

ĐOÀN NHẬT TÂN
(Dịch Giả)

TUYÊN XỨNG PHILADELPHIA 1742

Quan Điểm Giáo Lý Kinh Thánh
Được Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia
Chính Thức Nhìn Nhận Năm 1742

(The Philadelphia Baptist Confession Of Faith 1742)

"Rivival Literature"
2007

MỤC VỤ KHUYẾN HỌC VIỆT NAM
<http://www.cosvietnam.com>

2014

ĐOÀN NHẬT TÂN
(Dịch Giả)

TUYÊN XUNG PHILADELPHIA 1742

Quan Điểm Giáo Lý Kinh Thánh
Được Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia
Chính Thức Nhìn Nhận Năm 1742

(The Philadelphia Baptist Confession Of Faith 1742)

"Rivival Literature"
2007

MỤC VỤ KHUYẾN HỌC VIỆT NAM
<http://www.cosvietnam.com>

2014

“Tuyên Xưng Đức Tin Philadelphia 1742” (The Philadelphia Baptist Confession of Faith 1742) là một bản tuyên xưng có nội dung gần giống hoàn toàn với “Tuyên Xưng Đức Tin London Thứ Nhì 1689” (The Second London Confession of Faith 1689), chỉ khác là chương thứ ba mươi một và chương thứ ba mươi ba đã được thêm vào “Tuyên Xưng Đức Tin Philadelphia 1942”.

Bản Tuyên Xưng Đức Tin Này được “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia” tiếp nhận làm quan điểm giáo lý Kinh Thánh chính thức của Hiệp Hội vào năm 1742 và vẫn còn được Phong Trào Báp Tít trên khắp thế giới xem như quan điểm chung cho Phong Trào cho đến ngày nay.

“Tuyên Xưng Đức Tin Philadelphia 1742”
(Bản Tiếng Việt)
<http://www.cosvietnam.com>

“Trích Tuyên Xung London 1689” (Tiền Thân Của Tuyên Xung Philadelphia 1742)



Nhân danh từng cá nhân và Hội Thánh;

Chúng tôi, Mục Sư và Đại Biểu của một trăm Hội Thánh ở Anh Quốc và ở Xứ Wales, là những người không theo chủ thuyết của Arminianus, nhóm nhau lại tại London vào Ngày Mười Một, Tháng Bảy, Năm 1689 để cùng nhau xem xét những điều có liên quan đến sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và sự ích lợi của các Hội Thánh của chúng tôi; đã nghiên cứu kỹ lưỡng và xem xét chi tiết theo các góc nhìn giáo lý khác đối với lập trường về Phép Báp têm của chúng tôi; đồng thanh đề nghị Bảng Tuyên Xung Đức Tin này là Bảng Tuyên Xung vốn được nhà xuất bản John Marshall phát hành và phân phối; là sự tuyên xưng chung của chúng tôi về niềm tin và lối sống; và cũng đồng mong mỏi rằng các Hội Thánh của chúng tôi tán thành và thực hành.

Hansard Knollys
William Kiffin
John Harris
William Collins
Hercules Collins
Robert Steed
Leonard Harrison
George Barret
Isaac Lamb
Richard Adams
Benj Keach
Andrew Gifford
Tho Vaux
Tho Winnel
James Hitt
Richard Tidmarsh
William Facey
Samuel Buttall
Christopher Price

Daniel Finch
John Ball
Edmond White
William Prichard
Paul Fruin
Richard King
John Tomkins
Toby Wiles
John Carter
James Web
Richard Sutton
Robert Knight
Edward Price
William Phips
William Hawkins
Samuel Ewer
Edward Man
Charles Archer

“Lời Nhà Xuất Bản”



Đây là ấn bản của lần tái bản thứ sáu¹ của “Bản Tuyên Xung Đức Tin” (Confession of Faith) vốn đã được Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia (Philadelphia Baptist Association) bảo trợ từ năm 1742 và bắt đầu được Benjamin Franklin ấn hành để xuất bản năm 1743. Bản văn được chọn từ một ấn bản năm 1814 của một số nhân vật có ảnh hưởng lớn trong Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia mà người đứng đầu là Tiến Sĩ James L. Clark “để sắp đặt lại cho có thứ tự hẳn hoi”. Chúng tôi luôn cố gắng trung thành với nguyên tác nhưng cũng đã có vài sự thay đổi để giúp cho việc đọc bản văn được thuận lợi hơn. Bản Mục Lục đã được dời lên phần đầu thay vì ở phần cuối như trước đây. Một số các hình thái chính tả, ngữ pháp cũng đã được thay đổi cho phù hợp với cách dùng Tiếng Anh hiện nay. Tương tự như vậy, các tham chiếu Kinh Thánh cũng đã được thay đổi cho giống với cách dùng hiện thời. Các chương sách trước đây được đánh số theo chữ số La Mã nhưng nay được đánh số theo chữ số A Rập.

Cũng có một số tham chiếu Kinh Thánh không sáng tỏ hoặc mắc lỗi được đem so sánh với Bản Tuyên Xung Đức Tin 1689 do “Hội Thánh Báp Tít Ân Điển ở Carlisle, Pennsylvania” (Grace Baptist Church, Carlisle, Pennsylvania) xuất bản và đã được thay đổi cho phù hợp. Các sự hiệu đính hoặc dị biệt về tham chiếu đều được đặt trong dấu ngoặc.

¹ Lần thứ sáu của “Ấn Bản Thứ Nhì Của Tuyên Xung London (1677)” (The Second London Confession [1677]) mà cũng là lần thứ nhất của “Tuyên Xung Philadelphia” (The Philadelphia Confession).

“Nội Dung”



“Trích Tuyên Xung London 1689” (Tiền Thân Của Tuyên Xung Philadelphia 1742)	1
“Lời Nhà Xuất Bản”	2
“Nội Dung”	3 - 4
“Giới Thiệu”	5 - 7
“Lời Nói Đầu”	8 - 10
1 Chương Thứ Nhất “Giáo Lý Về Kinh Thánh”	11 - 14
2 Chương Thứ Hai “Giáo Lý Về Đức Chúa Trời Và Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một”	15 - 16
3 Chương Thứ Ba “Nguyên Chỉ Của Đức Chúa Trời”	17 - 18
4 Chương Thứ Tư “Cuộc Sáng Tạo”	19
5 Chương Thứ Năm “Sự Dụ Ứng Thiên Thượng”	20 - 22
6 Chương Thứ Sáu “Cuộc Sa Bại Của Nhân Loại, Tội Lỗi, Và Sự Đoán Phạt Dành Cho Tội Lỗi”	23 - 24
7 Chương Thứ Bảy “Giao Ước Của Đức Chúa Trời”	25
8 Chương Thứ Tám “Đức Chúa Jêsus Christ Là Đấng Trung Bảo”	26 - 29
9 Chương Thứ Chín “Ý Chí Tự Do”	30 - 31
10 Chương Thứ Mười “Sự Kêu Gọi Bất Khả Kháng”	32 - 33
11 Chương Thứ Mười Một “Sự Xung Công Bình”	34 - 35
12 Chương Thứ Mười Hai “Sự Nhận Làm Con”	36
13 Chương Thứ Mười Ba “Sự Nền Thánh”	37 - 38
14 Chương Thứ Mười Bốn “Đức Tin Cứu Rồi”	39 - 40
15 Chương Thứ Mười Lăm “Sự Ăn Năn Và Sự Cứu Rồi”	41 - 42

16	Chương Thứ Mười Sáu “Việc Lành”	43 - 45
17	Chương Thứ Mười Bảy “Sự Kiên Bảo Đức Tin Cho Các Thánh Đồ”	46 - 47
18	Chương Thứ Mười Tám “Sự Kiên Bảo Cho Ân Điển Và Sự Cứu Rỗi”	48 - 49
19	Chương Thứ Mười Chín “Luật Pháp Của Đức Chúa Trời”	50 - 52
20	Chương Thứ Hai Mươi “Tin Lành Và Phạm Vi Của Ân Điển”	53 - 54
21	Chương Thứ Hai Mươi Một “Sự Tự Do Cơ Đốc Và Sự Tự Do Của Lương Tâm”	55 - 56
22	Chương Thứ Hai Mươi Hai “Sự Thờ Phụng Tôn Giáo Và Ngày Sa Bát”	57 - 59
23	Chương Thứ Hai Mươi Ba “Việc Hát Thánh Ca Trong Cuộc Thờ Phụng Chung Với Nhau”	60
24	Chương Thứ Hai Mươi Bốn “Việc Tuyên Thệ Hợp Pháp”	61 - 62
25	Chương Thứ Hai Mươi Lăm “Việc Tổ Tụng Dân Sự”	63
26	Chương Thứ Hai Mươi Sáu “Hôn Nhân”	64
27	Chương Thứ Hai Mươi Bảy “Hội Thánh”	65 - 69
28	Chương Thứ Hai Mươi Tám “Sự Thông Công Của Các Thánh Đồ”	70
29	Chương Thứ Hai Mươi Chín “Lễ Báp Têm Và Lễ Tiệc Thánh”	71
30	Chương Thứ Ba Mươi “Lễ Báp Têm”	72
31	Chương Thứ Ba Mươi Một “Việc Đặt Tay Cầu Nguyện”	73
32	Chương Thứ Ba Mươi Hai “Lễ Tiệc Thánh”	74 - 76
33	Chương Thứ Ba Mươi Ba “Trạng Thái Sau Khi Chết Và Trạng Thái Sau Khi Phục Sinh”	77
34	Chương Thứ Ba Mươi Bốn “Cuộc Chung Thâm Của Đức Chúa Trời”	78 - 79

“Giới Thiệu”



Các Hội Thánh Báp Tít có sớm nhất ở nước này (Hoa Kỳ) đã được thành lập ở đảo Rhode Island và ở tiểu bang Massachusetts từ những năm 1600. Dẫu vậy, mãi cho đến Thế Kỷ Thứ Mười Tám ở tiểu bang Pennsylvania và tiểu bang New Jersey phong trào Báp Tít mới có được một cấu trúc liên kết đầu tiên để từ đó có thể truyền bá cách thành công nhất cho một dạng thức giáo lý chung của cả phong trào. Quả đúng như A. H. Newman đã nhận xét rằng “Công việc của các Hội Thánh Báp Tít trong những vùng này đã được tổ chức tốt và cũng khá thuận lợi chứ không gặp khó khăn như ở Anh Quốc đã gặp do ảnh hưởng của sự ưu thắng tôn giáo của một tôn giáo khác. Một xu hướng Tin Lành theo Calvin, về căn bản giống như của George Whitefield và New Lights, chiếm ưu thế trong Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia. Vì người Báp Tít trong các vùng này chưa hề bị bắt bớ cho nên cũng không có những sự cay đắng mang tính hệ phái như những gì đã khiến cho người Báp Tít ở Anh Quốc đã từng có một sự nhìn nhận thiên lệch đối với trào lưu tôn giáo nào mà kẻ bắt bớ họ vốn từng ở trong đó. Cho đến khoảng năm 1740 thì Báp Tít ở Pennsylvania đã lấy được đầy đủ sức mạnh để họ có thể áp đặt các nguyên tắc riêng của họ trong các quyết định mang tính quyết định mà vẫn cứ giữ được các mối quan hệ thân thiện với các hệ phái khác”.¹ Chính nhờ một sự phát triển tự nhiên mà người Báp Tít ở các thuộc xứ Trung Phần này đã thực hiện được một bước quyết định mạnh dạn về việc cho ấn hành một ấn bản cô đọng các quan điểm giáo lý của họ giữa khi các sự kiện thuộc Kỳ Đại Phấn Hưng Lần Thứ Nhất (The First Great Awakening)² đang diễn ra.

“Tuyên Xưng Philadelphia” không phải là một tài liệu tuyên xưng giáo lý cổ nhất đã được người Báp Tít ở Hoa Kỳ viết ra vì đã từng có một số bản tuyên xưng được viết ra trước đó rồi. “Tuyên Xưng Philadelphia” chỉ là bản tuyên xưng đầu tiên được xuất bản để phân phối cách phổ quát. Dẫu rằng năm 1677 đã có một ấn bản thứ nhì của “Tuyên Xưng London” nhờ nỗ lực của một nhóm Báp Tít người Anh, và về sau “Tuyên Xưng London” được biết đến như là “Tuyên Xưng 1689”³, “Tuyên Xưng

¹ A.H. Newman, “Lịch Sử Hội Thánh Báp Tít Hoa Kỳ”, A History of the Baptist Churches in the United States (New York: The Christian Literature Co., 1894), 272.

² Các tham chiếu về “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia” như một cơ quan dựa trên “Tuyên Xưng London Lần Thứ Nhì” nhằm giải quyết các vấn đề giáo lý trong biên bản các cuộc họp từ những năm 1724 khi mà “Tuyên Xưng Philadelphia” bắt đầu được “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia” kể là “của chúng tôi”. A. D. Gillette, ed., *Minutes of the Philadelphia Baptist Association from 1707-1807* (Philadelphia: American Baptist Publication Society, 1851), 27. Tuy nhiên chúng tôi không rõ “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia” đã chấp nhận “Tuyên Xưng London Lần Thứ Nhì” vào lúc nào, chỉ biết rằng, như trang mở đầu của ấn bản lần thứ nhất năm 1743 ghi rõ, là “Đã được Hiệp Hội Báp Tít họp ở Philadelphia ngày 25/09/1742 chấp nhận”.

³ “Tuyên Xưng London Lần Thứ Nhì” được soạn và in ra lần đầu tiên ở London vào năm 1677 để rồi sau đó được tái bản vào các năm 1682, 1688, và 1689. Trước khi William III được đẩy lên theo cuộc cách mạng “Glorious Revolution” năm 1688 và rồi “Đạo Luật Khoan Hồng” được ban hành năm 1689 thì ba ấn bản đầu tiên (1677, 1682, và 1688) đã không có được một sự

Philadelphia” đã có một số nét đặc trưng riêng của mình vì một số nguyên nhân. Thứ nhất, và cũng là hiển nhiên nhất, là bản tuyên xưng này đã được xuất bản tại Philadelphia. Thứ hai, “Tuyên Xưng Philadelphia” đã được đưa vào thêm hai chủ đề giáo lý: (1) Chương 23 về “Việc Hát Thi Thiên Trong Các Buổi Thờ Phụng Chung” (“Singing of Psalms in Public Worship”); và (2) Chương 31 về “Việc Đặt Tay Cầu Nguyện” (“Laying on of Hands”). Cả hai phần bổ sung này đều xuất xứ từ Chương 27 và 28 là những Chương đã được các Mục Sư Báp Tít người Anh Benjamin và Elias Keach soạn thảo và được đem vào ấn bản “Tuyên Xưng London Lần Thứ Nhì” được xuất bản năm 1697 là một công trình đã được phổ biến rộng rãi ở cả Anh Quốc và Hoa Kỳ⁴. Elias Keach (1665-1699) là một nhân vật đặc biệt và được tôn trọng trong tập thể “Hiệp Hội Báp Tít” ở Pennsylvania và New Jersey mãi cho đến khi ông trở lại London năm 1692. Thân phụ của Elias Keach là Benjamin Keach (1640-1704) là một trong những người Báp Tít có công khởi xuất phong trào Hội Chúng hát thờ phụng, cũng đã viết đề bảo vệ việc đặt tay như là một “Qui Điều Tân Ước”⁵, và đây là một quan điểm giáo lý được ủng hộ rộng rãi dưới thời “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia” còn ở dưới sự lãnh đạo của những người gốc Welsh (xứ Wales)⁶. Thứ ba, “Luận Thuyết Về Kỷ Luật Hội Thánh” (“Treatise On Church Discipline”) của Benjamin Griffith viết theo yêu cầu của “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia”, là một chủ đề thảo luận cổ điển của những người Báp Tít, đã được tổ hợp vào “Tuyên Xưng Philadelphia” như một phụ lục⁷. Cuối cùng, cùng với những gì vừa kể, nguyên nhân quan trọng hơn hết là thông qua “Luận Thuyết Về Kỷ Luật Hội Thánh”, theo sự diễn đạt của một trong các tác giả, “Hiệp Hội Báp Tít” muốn “vận dụng một quyền hạn lớn lao để cổ súy cho giáo lý chính thống và tinh thần thuần thành đang thịnh hành giữa vòng các Hội Thánh”⁸. Trong một phương hướng như vậy “Tuyên Xưng Philadelphia” đã hoàn thành được một sự gây dựng lớn lao cho Lễ Thật Kinh Thánh ở Hoa Kỳ. Chính vì vậy mà “Tuyên Xưng Philadelphia” vẫn còn được rất nhiều người Báp Tít ở quốc gia này ái mộ cho đến tận ngày nay.

phân phối và ủng hộ rộng rãi như ấn bản năm 1689.

⁴ “Welsh Tract Baptist Church” có vẻ như là Hội Thánh đầu tiên thuộc “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia” tiếp nhận “Tuyên Xưng London Lần Thứ Nhì” cùng với hai luận văn bổ sung xuất xứ từ Bảng Tuyên Xưng của Keach (“Keach Confession”) trong dịp họp theo qui vào ngày 04/05/1716 là khi Mục Sư Abel Morgan (1673-1722) lãnh đạo Hội Chúng của mình ký vào bản văn của tài liệu được dịch sang Tiếng Wales này. William L. Lumpkin, *Baptist Confessions of Faith* (Valley Forge, PA: Judson Press, 1969), 349.

⁵ Benjamin Keach, “Darkness Vanquished” (“Sự Mờ Hồ Được Xóa Tan”), tức là “Truth In It’s Primitive” (“Lễ thật Uyên Nguyên”), là một sự ủng hộ cho tác phẩm “Intituled A Treatise On Laying On Of Hands” (“Định Danh Cho Qui Điều Đặt Tay”) của Henry Danvers. Trong tác phẩm này Benjamin Keach làm rõ một cách trung thực nhưng thân thiện những gì trước đó ông còn mơ hồ về “Việc Đặt Tay”, về các lập luận chính của ông, và về việc đặt tay trên các tín hữu đã chịu Phép Báp têm như một định chế của Đức Chúa Jêsu đã được các Sứ Đồ và các thánh đồ ban đầu thực hành (Xuất bản ở London năm 1675); việc làm rõ hơn và tái xuất bản tác phẩm này (Xuất bản ở London năm 1698) là nhằm thuyết phục rằng “Việc Đặt Tay” là một qui điều đã được chính Đức Chúa Jêsu ban hành.

⁶ Ngược lại, khi “Hiệp Hội Charleston” dưới sự lãnh đạo của người Anh (Hiệp Hội này được thành lập năm 1751 và là Hiệp Hội Báp Tít lớn thứ nhì ở Hoa Kỳ) chính thức chấp nhận “Tuyên Xưng Philadelphia” vào năm 1767 họ đã quyết định giữ lại phụ lục về “Việc Hát Thi Thiên Trong Các Buổi Thờ Phụng Chung” nhưng lại loại bỏ phụ lục về “Việc Đặt Tay”.

⁷ Trong ấn bản này, “Luận Thuyết Về Kỷ Luật Hội Thánh” đã được loại bỏ.

⁸ William Cathcart, ed., “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia”, “The Philadelphia Baptist Association”, theo “Bách Khoa Toàn Thư Báp Tít”, “The Baptist Encyclopedia”, (Philadelphia: Louis H. Everts, 1881), 917.

Vào một ngày rất lạnh của Tháng Giêng năm 2001 tôi đã ghé thăm Philadelphia trong một chuyến đi Đông Bắc cùng với gia đình của Dan là anh của tôi. Sau khi dừng lại ở tiền sảnh (“Independence Hall”) chúng tôi đã hăm hở đến tham quan mẫu hình của Nhà In Benjamin Franklin trước kia. Chúng tôi say sưa nhìn những người mặc y phục của công nhân in ngày xưa thuyết minh cho chúng tôi biết những trang sách của Thế Kỷ Thứ Mười Tám đã được dàn trang như thế nào và sau đó họ chỉ cho chúng tôi biết chiếc cần của máy in bằng gỗ đã phải được vận hành ra sao. Có một điều mà đến giờ vẫn còn rất rõ trong trí nhớ của tôi là việc các trang giấy khổ tư mới vừa in xong được treo trên dây căng ở trong phòng in để phơi cho khô như thế nào. Những gì được minh họa giúp cho người xem có thể hình dung được là vào năm 1743 một qui trình tương tự cũng đã được thực hiện tại chính nơi này khi Franklin và các phụ tá được các Mục Sư của “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia” yêu cầu cho ra đời ấn bản đầu tiên của “Tuyên Xưng Philadelphia” cho những người Báp Tít Hoa Kỳ. Theo như sự nhận xét của một trong các sử gia khá lâu trước đây thì “Tập hợp các tín lý này sẽ không bao giờ thế chỗ cho Lời Kinh Thánh mà là một sự tuyên xưng giáo lý rành mạch và chân chính mà Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia tin là đã được bày tỏ trong Lời Kinh Thánh”⁹. Những người Báp Tít có lòng tôn trọng lịch sử và thần học sẽ luôn trân trọng nỗ lực công phu của Revival Literature để in lại Bảng Tuyên Xưng quan trọng này.

Terry Wolever, Editor

Particular Baptist Press, Springfield, Missouri

April 15, 2007

⁹ Sewall S. Cutting, “Historical Vindications: A Discourse On The Provinces And Uses Of Baptist History”, (Boston: Gould & Lincoln, 1859), 96.

“Lời Nói Đầu”



Thưa quý vị độc giả,

Đã qua nhiều năm rồi chúng tôi cùng với biết bao Cơ Đốc Nhân đã tin và sống theo đường lối của Chúa thai nghén việc cho ra đời một bản tuyên xưng về niềm tin chung của chúng tôi để những ai chưa hiểu căn cứ về các nguyên tắc căn bản của chúng tôi - là những người vẫn thường ngộ nhận về niềm tin của chúng tôi với những lập luận sai trật dầu rằng lắm người giữa vòng họ có những con người rất danh giá - có thể hiểu được về chúng tôi. Nỗ lực này đã được thực hiện lần đầu tiên năm 1643 bởi một nhóm Bảy Hội Thánh họp nhau lại ở London. Kể từ đó các ấn tượng về chúng tôi được lan ra hải ngoại và các sự khởi xướng của chúng tôi đã nhận được nhiều sự phản hồi thuận lợi mà trong đó có cả những sự phản hồi từ những người xuất chúng về đạo hạnh và về tri thức. Những điều ấy đã cho thấy rằng chúng tôi là đúng đắn chứ không hề phạm bất cứ sai lầm nào về tính chính thống của giáo lý Kinh Thánh như thỉnh thoảng chúng tôi vẫn bị gán ghép. Và, xét rằng sự tuyên xưng ấy nay đã được biết đến cách rộng rãi, và cũng vì kể từ đạo ấy đến nay có nhiều người đã đi theo đường lối của sự tuyên xưng này, việc tập hợp lại những điều chúng tôi tin nhận một cách đầy đủ xem ra là một việc làm cần thiết để nêu bật các nguyên tắc vững mạnh của phẩm hạnh và niềm tin của chúng tôi cho tất cả mọi người đều biết. Đó chính là nguyên nhân cho sự ra đời ấn bản này.

Và, xét rằng phương thức diễn đạt của chúng tôi có thay đổi so với trước đây - dầu rằng nội dung vẫn được giữ nguyên - chúng tôi cần phải làm sáng tỏ là vì sao chúng tôi đã thay đổi. Điều chính khiến chúng tôi quyết định thay đổi về hình thức của bản tuyên xưng này là để giúp cho nó hữu ích nhất chứ không phải chỉ là để cho thấy chúng tôi có quan điểm khác biệt về Phép Báp-têm. Chúng tôi muốn giúp ích cho việc xác lập các lẽ thật Kinh Thánh quan trọng hầu cho bước đường theo Chúa của chúng ta cứ vững vàng. Chúng tôi quan tâm nhiều nhất đến việc giúp cho mọi người sống theo Chúa cách trung tín. Chúng tôi thay đổi hình thức trong ấn bản này là nhằm giúp cho mọi người đều có được một sự lĩnh hội trọn vẹn nhất những điều mà chúng tôi đã tin nhận. Trên phương diện này chúng tôi không muốn có bất cứ sự bất toàn nào và chúng tôi quyết định giữ nội dung của bản tuyên xưng theo đúng trật tự như trong ấn bản này. Chúng tôi muốn các Hội Thánh hiểu, tin, và sống như chúng tôi trình bày ở đây nhưng không nhất thiết phải được diễn đạt theo cùng một cách. Chúng tôi cho rằng một việc làm như thế sẽ giúp ích cho sự đồng nhất về giáo lý và cho sự đa dạng về sự đồng thuận. Trong tất cả các vấn đề giáo lý chính thống mà chúng tôi đã quảng bá rộng rãi qua bản tuyên xưng này thay mặt cho mọi tín hữu Tin Lành khắp nơi trên thế giới chúng tôi luôn cố gắng giữ gìn tính trong sáng của từ

ngữ mà chúng tôi sử dụng để những gì chúng tôi viết được nhất trí với Lời Kinh Thánh. Bằng những nỗ lực như vậy chúng tôi bày tỏ công khai sự nhất trí giáo lý cao độ của chúng tôi với mọi tín hữu Tin Lành. Tất nhiên là cũng có một số từ ngữ được thêm vào hay được bớt ra, cũng có một số từ ngữ được thay đổi trên một chừng mực nào đó nhưng tất cả các sự chỉnh sửa ấy không hề làm biến dạng nội dung giáo lý của bản tuyên xưng nguyên thủy khiến cho những gì chúng tôi tin nhận trở nên mơ hồ.

Về những gì chúng tôi vẫn còn dị biệt đối với các tín hữu khác thì chúng tôi đã trình bày ra theo một cách chân tình với sự ước mong rằng sẽ không có bất cứ một sự đổ kỵ cũng như ngộ nhận nào cả. Dầu vậy chúng tôi luôn tuân giữ những điều tin nhận ấy trong sự nhũn nhặn và hạ mình để có thể nhường quyền tự do chọn lựa cho tất cả những ai còn dị biệt đối với chúng tôi.

Chúng tôi cũng quyết định ghi chú thêm các tham chiếu Kinh Thánh có liên quan với mỗi chủ đề trong bản tuyên xưng niềm tin này. Các tham chiếu ấy đã được chúng tôi chọn lựa sao cho rõ ràng và sát hợp nhất để tỏ cho thấy rằng chúng tôi tôn trọng thẩm quyền Kinh Thánh và mong rằng mọi độc giả của chúng tôi có cùng một thái độ thuận phục thẩm quyền Kinh Thánh như các tín hữu Bêrê ngày xưa đã từng có.

Còn một điều nữa mà chúng tôi cần phải làm rõ, ấy là qua việc làm này chúng tôi không hề có một sự ganh đua nào cả. Tất cả những gì chúng tôi kỳ vọng, thể theo nguyên tắc chân tình của chúng tôi, là chúng tôi muốn trải lòng mình ra qua các nguyên tắc Kinh Thánh được trình bày cho dầu có được có được tiếp nhận hay bị từ bỏ thì cũng vậy. Sự trình bày bản tuyên xưng này của chúng tôi sẽ đạt được mục đích của nó nếu như các nguyên tắc Kinh Thánh mà chúng tôi tin được đoán định cách công bằng theo như ý chỉ của Chúa mà chúng tôi tin cách hết lòng rằng đó là giáo lý Kinh Thánh của Ngài cho chúng tôi tin và sống. Chúng tôi cũng mong sao các sự bất đồng giáo lý với bản tuyên xưng này sẽ không bị đánh thức để rồi sẽ chỉ có một sự quan tâm duy nhất là mọi tín hữu đều sẽ sống theo Chúa cách yêu thương hết lòng, hạ mình hết lòng, nên thánh trên mọi phương diện trong tâm tình kính yêu Chúa đến nỗi Tin Lành được nhận thấy qua đời sống của họ, tôn qui vinh hiển về Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Và, chúng tôi cũng mong rằng giữa thời kỳ sa bại ngày nay chúng ta sẽ chẳng dùng một hơi thở nào của chúng ta để than phiền về điều ác cả mà sẽ cứ sửa soạn tâm lòng mỗi người chúng ta ngay từ trong gia đình của chúng ta để sống noi gương sáng về đời sống tín kính, tạo ra được ảnh hưởng trên nhiều người với ước ao là sẽ không có ai bị lầm lạc mà đời đời khỏi sự kính yêu Đức Chúa Trời nhưng cứ bền đỗ sống theo những Lễ Thật mà họ đã tin nhận.

Trong thời đại chúng ta đang sống quả thật là có một tình trạng suy tàn tôn giáo đang diễn ra mà chúng ta không thể làm gì để cứu vãn cho hiệu quả hơn là ra sức uốn nắn lại nền nếp lễ bái từ trong gia đình để tạo ra sự thay đổi tín kính từ các thành viên gia

đình của chúng ta. Trong cương vị phụ huynh của chúng ta, phận sự khẩn cấp mà chúng ta phải hoàn thành là không được để cho sự bất kính và tinh thần thế tục từ ngoài đời thâm nhập vào trong gia đình của chúng ta nhờ việc chúng ta tận tụy dạy dỗ con cái mình biết sống theo sự tin kính ngay từ khi chúng còn thơ ấu. Chúng ta không sao có thể hoàn thành được phận sự nghiêm túc ấy mà lại không chăm chỉ giáo dưỡng cho con em mình các mệnh lệnh của Đức Chúa Trời theo cách vấn đáp để xác lập những điều ấy trên tấm lòng của chúng khiến cho chúng được dầm thấm trong Lời của Ngài trong Kinh Thánh. Việc để mất dần nền nếp cầu nguyện, thờ phượng, và thi hành các nghĩa vụ tôn giáo ngay từ trong gia đình sẽ khiến cho trẻ quen dần với một lối sống quên lãng đối với nghĩa vụ tôn giáo và rồi sẽ trở nên coi thường đời sống tin kính và tôn giáo của mình. Tất nhiên điều ấy sẽ không là có bào chữa cho sự mù tối thuộc linh của bất cứ ai nhưng có lẽ là những ai vốn có vận hội để xác lập nền nếp tin kính trong gia đình mà lại bỏ qua thì gánh nặng của họ sẽ trở nên lớn hơn. Nếu như ngay từ trong gia đình chúng ta biết lấy giáo lý Kinh Thánh làm chuẩn mực cho phẩm hạnh và hành vi cho tất cả mọi người thì cho dầu có ai đó có bỏ qua cơ hội cứu rỗi chẳng nữa chúng ta cũng đã xong về trách nhiệm gây dựng cho họ. Sự chuyên tâm của Cơ Đốc Nhân trên phương diện sốt sắng về nghĩa vụ tôn giáo sẽ giúp họ thoát khỏi một tình trạng đáng buồn cho họ trong tương lai vào Ngày Của Chúa dầu rằng hiện nay họ có vẻ là những con người bẽ thế, khả kính.

Đến đây, lời cầu nguyện chân thành của chúng tôi là cầu xin Ba Ngôi Đức Chúa Trời với mọi Ân Điển của Ngài cùng với Ân Điển về Đức Thánh Linh ở cùng trong đời sống của chúng ta dùng tuyên xưng niềm tin này, cùng với nền nếp tin kính thực hành thường xuyên khiến cho đời sống của tất cả chúng ta trở nên hữu ích cho sự vinh hiển của Ngài trong tất cả mọi sự qua Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta!

Chương Thứ Nhất “Giáo Lý Về Kinh Thánh”



1. Kinh Thánh là chuẩn mực ^[a] duy nhất đầy đủ, chắc chắn, bất bại cho tri thức cứu rỗi, cho đức tin, và cho sự vâng lời; cho dầu ^[b] toàn bộ giới thiên nhiên mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng cùng với sự dự ứng của Ngài cho nhân loại có bày tỏ về sự nhân từ, sự khôn ngoan, và quyền năng của Ngài để họ không có lý do chối tội vô tín của họ đối với Ngài nhưng các nội dung khảo thí phổ quát ấy vẫn chưa đủ để đem lại một sự hiểu biết thỏa đáng về ý chỉ của Ngài là điều cần thiết cho việc đem họ đến với sự cứu rỗi. Do đó ^[c] Đức Chúa Trời đã đẹp ý mà bày tỏ ý chỉ của Ngài cho Hội Thánh bằng nhiều cách khác nhau; và để bảo tồn và phổ biến cách tốt hơn cho Lễ Thật về Ngài và về chương trình trọn vẹn của Ngài cho nhân loại; và cũng để khích lệ Hội Thánh đứng vững trước sức mạnh của xác thịt, sự xảo quyệt của Satan và sự gian ác của thế gian Đức Chúa Trời đã đẹp ý ban lời thành văn ^[d] của Ngài trong Kinh Thánh, khiến cho Lời Kinh Thánh trở nên đầy đủ và cần thiết hơn hết; và với việc đã hoàn thành sự khảo thí của Ngài trong Kinh Thánh Đức Chúa Trời cũng đã đẹp ý mà cho kết thúc các cách bày tỏ đặc biệt khác về ý chỉ của Ngài.

[a] 2Ti. 3:15, 16, 17; Ês. 8:20; Lu. 16:29, 31; Êph. 2:20

[b] Rô. 1:19-32; 2:14, 15; Thi. 19:1, 2, 3

[c] Hê. 1:1

[d] Châm. 22:19, 20, 21; Rô. 15:4; 2Phi. 1:19, 20

2. Với tên gọi là “Kinh Thánh”, tức Lời Thành Văn Của Đức Chúa Trời, Kinh Thánh chứa tất cả các Sách Cựu Ước và các Sách Tân Ước như sau:

(1) Các Sách Cựu Ước:

Sáng Thế Ký, Xuất Êđiptô Ký, Lêvi Ký, Dân Số Ký, Phục Truyền Luật Lệ Ký, Giôsuê, Các Quan Xét, Ruto, 1 Samuên, 2 Samuên, 1 Các Vua, 2 Các Vua, 1 Sử Ký, 2 Sử Ký, Exora, Nêhêmi, Êxotê, Gióp, Thi Thiên, Châm Ngôn, Truyền Đạo, Nhã Ca, Êsai, Giêrêmi, Ca Thương, Êxêchiên, Đaniên, Ôsê, Giôên, Amôt, Ápđia, Giôna, Michê, Nahum, Habacúc, Sôphôni, Aghê, Xachari, Malachi.

(2) Các Sách Tân Ước:

Mathiơ, Mác, Luca, Giảng, Công Vụ Các Sứ Đồ, Rôma, 1 Côrinhtô, 2 Côrinhtô, Galati, Êphêsô, Philip, Côlôse, 1 Tê salônica, 2 Tê salônica, 1 Timôthê, 2 Timôthê, Tít, Philêmon, Hêborơ, Giacơ, 1 Phierơ, 1 Phierơ, 1 Giảng, 2 Giảng, 3 Giảng, Giude, Khải Huyền.

Tất cả các Sách Kinh Thánh đều được ^[e] sự thần cảm của Đức Chúa Trời bởi Đức Thánh Linh để làm khuôn vàng thước ngọc cho Đức Tin và Đời Sống.

[e] 2Ti. 3:16

3. Các sách ngụ kinh (Apocrypha) không hề được ^[f] thần cảm, cũng không thuộc các kinh điển của Kinh Thánh, cho nên các sách này không hề có thẩm quyền trên Hội Thánh của Đức Chúa Trời, cũng như không thể được bất cứ ai kể là có thẩm quyền đối với Hội Thánh của Đức Chúa Trời mà phải được xem như là những văn phẩm thuần túy của con người tạo ra.

[f] Lu. 24:27, 44; Rô. 3:2

4. Thẩm quyền phải tuân theo của Kinh Thánh không hề do sự quả quyết của bất cứ người nào hay của bất cứ Giáo Hội nào mà là được dựa theo ^[g] Đức Chúa Trời là Đấng tự chứng rằng Ngài là Tác Giả của Kinh Thánh để Kinh Thánh phải được tin nhận là chính Lời Ngài.

[g] 2Phi. 1:19, 20, 21. 2Ti. 3:16. 2Tê. 2:13. 1Gi. 5:9

5. Chúng ta luôn được thuyết phục mạnh mẽ theo sự xác chứng của Hội Thánh của Đức Chúa Trời đến mức có được một sự tôn trọng cao độ đối với Kinh Thánh; và tính thiêng liêng của vấn đề, tính hữu hiệu của các giáo lý, tính uy nghi của các sự giáo huấn, tính nhất trí giữa các phần với nhau, tính bao quát trên phương diện đề cập - và tất cả những sự này đều thuộc về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời - hợp thành một sự bày tỏ về con đường cứu chuộc duy nhất cho nhân loại mà trong đó tất cả đều tuyệt vời, đều hoàn hảo khiến phải dẫn đến kết luận rằng Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời để rồi chúng ta đi đến một sự chứng giải khiến tin quyết ^[h] hoàn toàn rằng Kinh Thánh là lẽ thật bất bại theo thẩm quyền Thiên Thượng bởi sự vận hành của Đức Thánh Linh thành Lời Ngài cho tâm lòng chúng ta.

[h] Gi. 16:13, 14; 1Cô. 2:10, 11, 12; 1Gi. 1:2; 2:20, 27

6. Kinh Thánh đã chứa đựng đầy đủ mọi ^[i] sự có cần cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, cho sự cứu rỗi của loài người, cho đức tin và sự sống cách đầy đủ và thỏa đáng khiến không cần phải có thêm bất cứ sự khai thị mới nào của Đức Thánh Linh hoặc bất cứ sự chỉ dẫn nào của truyền thống do con người thiết lập. Dầu vậy chúng ta phải nhận thức rằng ^[k] có sự soi sáng thuộc linh của Đức Thánh Linh để người tin hiểu biết kiến thức cứu rỗi đã được khai thị trong

Kinh Thánh, và rằng có những điều thuộc về sự thờ phượng Đức Chúa Trời, sự quản trị Hội Thánh, sự hành xử xã hội được chỉ định ^[i] theo bản chất của từng phạm vi, theo sự cân trọng Cơ Đốc, theo các nguyên tắc căn bản của việc nghiên cứu Kinh Thánh là những điều cần phải được tuân thủ nghiêm ngặt.

[i] 2Ti. 3:15, 16, 17; Gal. 1:8, 9

[k] Gi. 6:45; 1Cô. 2:9, 10, 11, 12

[l] 1Cô. 11:13, 14; 14: 26, 40

7. Không phải tất cả mọi sự được trình bày trong Kinh Thánh đều luôn luôn ^[m] tự rõ nghĩa và dễ hiểu đối với tất cả mọi người; nhưng những gì cần được biết, tin, và tuân thủ cho sự cứu rỗi đều được ^[n] làm cho rõ hơn trong các nơi khác trong Kinh Thánh hầu cho cả người có trình độ học vấn cao lẫn người có trình độ học vấn thấp vẫn có thể đạt được một sự hiểu biết đầy đủ và thỏa đáng nếu như họ biết áp dụng cách phải lẽ các nguyên tắc quan sát, thông giải, và áp dụng Kinh Thánh căn bản.

[m] 2Phi. 3:16

[n] Thi. 19:7; 119:130

8. Cả Kinh Thánh Cựu Ước được viết bằng Tiếng ^[o] Hêbơơ (là Tiếng mẹ đẻ của Dân Chúa thời Cựu Ước) lẫn Kinh Thánh Tân Ước được viết bằng Tiếng Hy Lạp là một thứ Tiếng (mà vào thời Tân Ước) vốn được rất nhiều nước biết và sử dụng đều được trực tiếp thần cảm bởi Đức Chúa Trời và bởi sự quan phòng thần hựu của Ngài mà Kinh Thánh được giữ gìn nguyên vẹn suốt các đời và nhờ đó ^[p] mà luôn có tính chân thực; và nhờ tính chân thực ấy ^[q] mà Kinh Thánh luôn mang tính tài phán tối hậu đối với mọi tranh luận tôn giáo giữa vòng Hội Thánh mọi thời đại. Thế nhưng không phải là tất cả Dân Sự của Đức Chúa Trời - là những người có quyền thông giải Kinh Thánh - đều biết các thứ Tiếng này khi phải hoàn thành phận sự đọc và nghiên cứu Kinh Thánh trong sự kính sợ Đức Chúa Trời cho nên họ đã phải dịch Kinh Thánh ra các ngôn ngữ thông thường của các nước để Lời Kinh Thánh có thể ở đầy trong lòng họ mà giúp họ có thể thờ phượng Đức Chúa Trời cách hiệp nghi, và để họ có được sự trông cậy nhờ sự an ủi của Lời Kinh Thánh.

[o] Rô. 3:2

[p] Ês. 8:20

[q] Công. 15:1

[r] Gi. 5:39

[s] 1Cô. 14:6, 9, 11, 12, 24, 28

[t] Côl. 3:16

9. Nguyên tắc thông giải Kinh Thánh bất bại là ^[u] “Nhờ Kinh Thánh giải nghĩa Kinh Thánh” vì vậy mỗi khi có sự nghi vấn về ý nghĩa chân thực (vốn đơn nhất chứ không phải là đa tạp) của bất cứ đoạn văn Kinh Thánh nào thì đoạn văn ấy cần phải được nghiên cứu dưới ánh sáng của các đoạn văn Kinh Thánh khác để có thể chính chuẩn hơn.

[u] 2Phi. 1:20, 21; Công. 15:15, 16

10. Sự chung thẩm cho mọi tranh luận tôn giáo, mọi giáo sắc lệnh của các hội đồng, mọi quan điểm tôn giáo của các tác giả mọi thời đại, mọi giáo lý do con người tạo ra, mọi cảm nhận cá nhân về tôn giáo đều phải được cứu xét duy nhất bởi Lời Kinh Thánh đã được Đức Thánh Linh khai thị thành văn trong Kinh Thánh để rồi từ đó ^[x] tâm trí chúng ta tin và đức tin của chúng ta được kiên định.

[x] Ma. 22:29, 31; Êph. 2:20; Công. 28:23

Chương Thứ Hai
“Giáo Lý Về Đức Chúa Trời Và Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một”



1. Đức Chúa Trời của chúng ta là ^[a] Đức Chúa Trời tự hữu hằng hữu là Đấng ^[b] duy nhất hằng sống và chân thật, là Đấng ^[c] mà thực thể Ngài là vô hạn và hoàn hảo, là Đấng mà bản thể Ngài không thể nào được bất cứ gì ngoài Ngài lĩnh hội hết được, ^[d] Ngài là một thực thể thần linh tối tinh anh, ^[e] bất khả thị, phi thân thể, phi thành phần và bất khả tác động, là Đấng duy nhất bất tử, Ngài ngự trong sự sáng bất khả tiếp cận, ^[f] là Đấng bất khả biến đổi, ^[g] là Đấng vô hạn, ^[h] là Đấng đời đời, là Đấng bất khả tận tri, ^[i] là Đấng toàn năng, là Đấng vô giới hạn trên mọi phương diện, ^[k] là Đấng tối thánh khiết, tối khôn ngoan, tối tự ý, tối tuyệt đối, ^[l] là Đấng khiến cho tất cả mọi sự hợp theo sự định mạng bởi ý chỉ tối công nghĩa và bất khả kháng của Ngài ^[m] cho sự vinh hiển của chính Ngài, là Đấng giàu yêu thương hơn hết, giàu nhân từ hơn hết, giàu thương xót hơn hết, giàu chịu đựng hơn hết, là Đấng tha thứ cho sự trái nghịch, sự vi phạm và tội lỗi, ^[n] là Đấng ban thưởng cho những ai hết lòng tìm kiếm Ngài, đồng thời ^[o] Ngài cũng là Đấng phán xét tối công bằng và đáng kinh khiếp nhất, ^[p] Ngài góm ghiệp mọi tội lỗi và ngoài Ngài ra thì chẳng có bất gì có thể giải ^[q] tội đối với Ngài được.

- [a] Giê. 10:10; Ês. 48:12
[b] 1Cô. 8:4, 6; Phục. 6:4
[c] Xuất. 3:14
[d] Gi. 4:24
[e] 1Ti. 1:17; Phục. 4:15, 16
[f] Mal. 3:6
[g] 1Vua. 8:27; Giê. 23:23.
[h] Thi. 90:2
[i] Sáng. 17:1
[k] Ês. 6:3
[l] Thi. 115:3; Ês. 46:10
[m] Châm. 16:4; Rô. 11:36
[n] Xuất. 34:6, 7; Hê. 11:6
[o] Nê. 9:32, 33
[p] Thi. 5:5, 6
[q] Xuất. 34:7; Na. 1:2, 3

2. Đức Chúa Trời là Đấng tự sở hữu trọn vẹn ^[r] sự sống, ^[s] sự vinh hiển, ^[t] sự thiện hảo, sự phước hạnh ^[u] không hề cần bất cứ tạo vật nào của Ngài để làm nên sự vinh hiển Ngài hay bổ sung cho sự vinh hiển Ngài mà là sự vinh hiển Ngài được hiển thị trên các tạo vật Ngài và qua các tạo vật Ngài, Ngài là ^[x] nguồn duy nhất để từ đó và qua đó mọi sự hiện hữu và tồn tại, và Ngài nắm ^[y]

quyền tể trị tối cao trên toàn cõi thọ tạo là quyền làm mọi sự hiệp theo ý chỉ Ngài qua giới thọ tạo ấy, cho giới thọ tạo ấy, và trên giới thọ tạo ấy; dưới ^[z] tầm nhìn Ngài mọi sự đều được phơi bày, ^[a] sự hiểu biết Ngài là vô hạn, bất bại và độc lập đối với giới thọ tạo; đối với Ngài chẳng có sự chi là ngẫu nhiên hay bất định; Ngài là Đấng chí thánh trong mọi ý chỉ Ngài, trong mọi công việc Ngài, trong mọi mệnh lệnh Ngài; ^[b] Ngài có đầy đủ quyền của Đấng Sáng Tạo đối với loài thọ tạo để đòi hỏi bất cứ ^[c] thiên sứ hay con người nào sự thờ phượng, sự hầu việc, sự vâng phục hay bất cứ sự gì khác.

- [r] Gi. 5:26
- [s] Thi. 148:13
- [t] Thi. 119:68
- [u] Gióp 22:2, 3
- [x] Rô. 11:34, 35, 36
- [y] Đa. 4:25, 34, 35
- [z] Hê. 4:13
- [a] Êx. 11:5. Công. 15:18
- [b] Thi. 145:17
- [c] Khải. 5:12, 13, 14

3. Trong Thực Thể Thiên Thượng Tự Hữu Và Vô Hạn này (Đức Chúa Trời) có sự thực hữu của ^[d] ba Thân Vị Thiên Thượng là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con (hay “Ngôi Lờ”), và Đức Thánh Linh đồng hữu cùng một bản thể, một quyền năng, một tính đời đời, mỗi Thân Vị đều tự hữu trọn vẹn bản chất thiên thượng ^[e] vốn không bao giờ phân ly, Đức Chúa Cha tự hữu cách vô khởi xuất, ^[f] đời đời Đức Chúa Con khởi xuất bởi Đức Chúa Cha, ^[g] Đức Thánh Linh khởi xuất từ Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, cả ba Thân Vị đều vô thi vô chung trong duy nhất một Đức Chúa Trời bất khả phân ly về bản chất và về sự thực hữu nhưng lại được tách vạch nhau bởi các thuộc tính về quan hệ và các quan hệ tương tùy giữa các Thân Vị; chính từ các lẽ thật này mà giáo lý Kinh Thánh về Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một (tức Tam Vị Nhất Thể) là giáo lý nền tảng cho mối giao thông giữa chúng ta với Đức Chúa Trời, và cho sự nương cậy bình an của chúng ta đối với Ngài.

- [d] 1Gi. 5:7; Ma. 28:19; 2Cô. 13:14
- [e] Xuất. 3:14; Gi. 14:11; 1Cô. 8:6
- [f] Gi. 1:14, 18
- [g] Gi. 15:26; Gal. 4:6

Chương Thứ Ba “Nguyên Chỉ Của Đức Chúa Trời”



1. Từ trong quá khứ đời đời, bởi ý chỉ tối khôn ngoan, tự tại, bất biến Đức Chúa Trời ^[a] đã định mạng trong Nguyên Chỉ của Ngài để mọi sự sẽ được xảy ra; nhưng Đức Chúa Trời không hề là tác nhân của tội lỗi trong thế gian hay có ^[b] liên hệ gì với tội lỗi trong thế gian, của bạo lực của thiên tai, của khuynh hướng phóng túng của con người; mà ấy là ^[c] những sự đã được Ngài định mạng để qua đó sự khôn ngoan, quyền năng, và sự thành tín của Ngài được bày tỏ ra qua muôn sự ^[d] trong việc hoàn thành Nguyên Chỉ của Ngài.

[a] Ês. 46:10; Êph. 1:11; Hê. 6:17; Rô. 9:15, 18

[b] Gia. 1:13, 17; 1Gi. 1:5

[c] Công. 4:27, 28; Gi. 19:11

[d] Dân. 23:19; Êph. 1:3, 4, 5

2. Dầu rằng Đức Chúa Trời biết trước những điều sẽ xảy ra hay có thể xảy ra ^[e] trong tất cả mọi điều kiện tương lai; Ngài vẫn không định mạng bất cứ điều gì trong Nguyên Chỉ của Ngài ^[f] dựa trên sự biết trước này về những điều sẽ xảy ra hay có thể xảy ra và về các điều kiện tương lai của tất cả các điều ấy.

[e] Công. 15:18

[f] Rô. 9:11, 13, 16, 18

3. Bởi Nguyên Chỉ của Đức Chúa Trời và cho việc bày tỏ sự vinh hiển của Ngài ^[g] mà có những con người và thiên sứ đã được tiền định, hay chỉ định trước, cho sự sống đời để ^[h] tôn vinh ân điển vinh hiển Ngài qua Đức Chúa Jêsus Christ; còn những người khác thì Ngài để họ tự ở ^[i] trong tội lỗi và sự đoán phạt đối với tội lỗi của họ cũng để ngợi khen sự công bình vinh hiển của Ngài.

[g] 1Ti. 5:21; Ma. 25:34

[h] Êph. 1:5, 6

[i] Rô. 9:22, 23; Giu. 4

4. Những thiên sứ và con người đã được tiền định, hay chỉ định trước, cho sự sống đời đời như thế cách nhất định, tức là đã định sẵn; sự tiền định ấy ^[k] có số lượng giới hạn và xác định, không thể nào làm cho tăng thêm mà cũng không thể nào bỏ bớt đi được.

[k] 2Ti. 2:19; Gi. 13:18

5. Đức Chúa Trời ^[1] đã tiên định trong Đức Chúa Jêsus Christ cho sự vinh hiển đời đời của Ngài những người đã được định cho sự sống từ trước khi có thể gian thể theo mục đích bất biến và vĩnh viễn của Ngài và theo sự định mạng mật nhiệm tốt đẹp của ý chỉ Ngài bởi ân điển và tình yêu thương của Ngài ^[m] chứ không hề có một sự phụ thuộc nào từ ngoại giới thọ tạo của Ngài.

[1] Êph. 1:4, 9, 11; Rô. 8:30; 2Ti. 1:9; 1Tê. 5:9

[m] Rô. 9:13, 16; Êph. 2:5, 12

6. Cùng với việc chỉ định những người được chọn, bởi ý chỉ độc lập và đời đời của Đức Chúa Trời, Ngài cũng đồng thời tiên định ^[o] mọi sự liên quan để cho kẻ được chọn của Ngài, vốn đã bị sa bại trong Adam, được cứu chuộc bởi Đức Chúa Jêsus Christ, ^[q] được ban đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ theo sự vận hành đúng kỳ của Đức Thánh Linh mà từ đó họ được xưng công bình, được nhận làm con, được thánh hóa, và ^[r] nhờ đức tin được bảo đảm bởi quyền năng Ngài để được sự cứu rỗi; ^[s] ngoài những kẻ được chọn của Đức Chúa Trời sẽ chẳng còn ai được cứu chuộc bởi Đức Chúa Jêsus Christ, hay là được đem đến đức tin trong Ngài, được xưng công bình, được nhận làm con, và được cứu.

[o] 1Phi. 1:2; 2Tê. 2:13

[p] 1Tê. 5:9, 10

[q] Rô. 8:30; 2Tê. 2:13

[r] 2Phi. 1:5.

[s] Gi. 10:26; 17:9; 6:64

7. Giáo lý huyền nhiệm về sự tiên định này cần phải được học với một sự cẩn trọng đặc biệt để chấp nhận ý chỉ của Đức Chúa Trời như được bày tỏ trong Kinh Thánh để từ sự vâng phục mà đến sự toàn tín và có được xác tín về ^[t] sự lựa chọn vĩnh viễn của mình; từ đó giáo lý huyền nhiệm về sự tiên định này sẽ đem lại ^[u] sự chúc tôn, bái phục đối với Đức Chúa Trời, giúp sinh ra ^[x] sự khiêm hạ, sốt sắng, ^[y] yên lòng mà chân thành vâng theo Tin Lành.

[t] 1Tê. 1:4, 5; 2Phi. 1:10

[u] Êph. 1:6; Rô. 11:33

[x] Rô. 11:20

[y] Lu. 10:20

Chương Thứ Tư “Cuộc Sáng Tạo”



1. Từ ban đầu Đức Chúa Cha, ^[a] Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Linh đã đẹp ý mà bày tỏ sự vinh hiển của ^[b] quyền năng, sự khôn ngoan, và sự tốt đẹp dồi dào của Ba Ngôi Đức Chúa Trời để dựng nên thế gian cùng muôn vật trong thế gian, ^[c] cả vật thấy được lẫn vật không thấy được, cách hoàn hảo trong sáu ngày.

[a] Gi. 1:2, 3; Hê. 1:2; Gióp 26:13

[b] Rô. 1:20

[c] Côi. 1:16; Sáng. 2:1, 2

2. Sau khi đã tạo dựng nên muôn vật Đức Chúa Trời dựng nên con người, cả người nam và người nữ, với linh hồn ^[e] có tư duy và bất tử và một sự sống phù hợp theo sự sống của Đức Chúa Trời là Đấng đã tạo dựng họ ^[f] theo hình ảnh Ngài với sự tri thức, sự công nghĩa, và sự thánh khiết chân thật; Đức Chúa Trời tạc ^[g] luật pháp Ngài vào lòng họ cùng với năng lực để tuân theo luật pháp ấy; dầu vậy, dầu có khả năng họ sẽ phạm tội, Ngài cũng ban cho họ ý chí tự do chọn lựa ^[h] tùy theo sự quyết định của họ.

[d] Sáng. 1:27

[e] Sáng. 2:7

[f] Truyền. 7:29; Sáng. 1:26

[g] Rô. 2:14, 15

[h] Sáng. 3:6

3. Cùng với luật pháp của Đức Chúa Trời được ghi tạc trong lòng ^[i] con người cũng nhận được mệnh lệnh của Đức Chúa Trời về việc không được ăn trái của Cây Biết Điều Thiện Và Điều Ác là một mệnh lệnh mà, nếu họ tuân giữ, họ sẽ được ở trong mối thông công phước hạnh với Đức Chúa Trời, và sẽ được nắm quyền cai quản ^[k] cả giới thọ tạo của Đức Chúa Trời.

[i] Sáng. 2:17; 3:8, 9, 10

[k] Sáng. 1:26, 28

Chương Thứ Năm “Sự Dự Ứng Thiên Thượng”



1. Đức Chúa Trời là Đấng Sáng Tạo tối hảo trên muôn vật, với quyền năng và sự khôn ngoan vô hạn của Ngài, ^[a] thực sự duy trì, điều khiển, xử lý, và quyết định đối với tất cả mọi người, mọi vật ^[b] bất luận là lớn hay nhỏ mà Ngài đã tạo dựng thể theo sự hiểu biết bất bại của Ngài, và theo ^[c] sự định mạng bất biến của ý chỉ Ngài để sự khôn ngoan, quyền năng, sự công nghĩa, sự thiện hảo, và sự nhân từ của Ngài được chúc tụng.

[a] Hê. 1:3; Gióp 38:11; Ês. 46:10,11; Thi. 135:6
[b] Ma. 10:29, 30, 31
[c] Êph. 1:11

2. Dầu rằng thể theo sự biết trước và Nguyên Chỉ của Đức Chúa Trời, là tối nguyên nhân của tất cả mọi sự, tức tác nhân định mạng, muôn sự đều xảy ra ^[d] cách nhất định và bất bại để chẳng có sự gì xảy ra ^[e] cách ngẫu nhiên, ngoài sự dự ứng của Đức Chúa Trời nhưng Ngài cũng đồng thời, bởi sự dự ứng của Ngài, cho phép có những sự có thể diễn ra theo ý thức chủ quan của các đối tượng thừa mạng ^[f] cách nhất thiết, cách tùy tiện, hoặc cách ngẫu nhiên.

d Công. 2:23
e Châm. 16:33
f Sáng. 8:22

3. Trong ^[g] sự dự ứng bình thường thì Đức Chúa Trời sử dụng mọi phương tiện dầu rằng Ngài hoàn toàn có quyền vận hành mà ^[h] không cần phương tiện, ^[i] quá sức phương tiện, hoặc ^[k] ngược lại tác dụng của phương tiện thể theo sự đẹp ý của Ngài.

[g] Công. 27:31, 44; Ês. 55:10, 11
[h] Ôsê 1:7
[i] Rô. 4:19, 20, 21
[k] Đa. 3:27

4. Quyền năng tối thượng, sự khôn ngoan không thể dò lường, và sự tối hảo của Đức Chúa Trời hoàn toàn được bày tỏ ra trong sự dự ứng của Đức Chúa Trời qua việc ^[j] sự định mạng của Ngài được bảo toàn ngay cả trong cuộc sa bại của nguyên tổ loài người, cũng như trong tất cả mọi hành động tội lỗi khác nữa của

thiên sứ và của con người; ấy chẳng phải chỉ là một sự định mạng đơn thuần của Đức Chúa Trời mà cũng còn là ^[m] một sự ràng buộc mang tính thừa mạng đối với loài thọ tạo mà Đức Chúa Trời đã định mạng cách khôn ngoan, quyết định cách khôn ngoan theo một sự kỳ định đa hợp để hoàn thành ^[n] các mục đích thánh khiết của Ngài mà Ngài vẫn không phải là Đáng, vốn tối thánh khiết và công nghĩa, làm tác nhân hay ^[o] chuẩn thuận đối với các hành vi tội lỗi do chính các loài thọ tạo của Ngài tạo ra.

[l] Rô. 11:32, 33, 34; 2Sa. 24:1; 1Sử. 21:1

[m] 2Vua. 19:28; Thi. 76:10

[n] Sáng. 50:20; Ês. 10:6, 7, 12

[o] Thi. 50:21; 1Gi. 2:16

5. Lắm khi Đức Chúa Trời là Đáng tối khôn ngoan, công nghĩa, và nhân từ để cho Dân Ngài từng hồi, từng lúc chịu hậu quả của tấm lòng hư xấu của họ mà bị cám dỗ theo nhiều cách để sửa trị họ chừa bỏ tội lỗi hoặc giúp họ nhận thức được sức mạnh của tội lỗi trong lòng hư xấu mình ^[p] để đem họ đến chỗ khiêm nhường; nâng họ lên một mức nương cậy Ngài cao hơn và thường xuyên hơn; khiến họ biết tỉnh thức hơn trước các sự cám dỗ trong tương lai để họ có thể sống phải đạo và thánh khiết. Vì vậy, cho dầu bất cứ việc gì xảy đến cho kẻ được chọn của Đức Chúa Trời đều thuộc trong sự liệu trước của Ngài hầu cho họ ^[q] được trở nên tốt hơn và sự vinh hiển của Ngài dễ được nhận thấy hơn trong đời sống họ.

[p] 2Sử. 32: 25, 26, 31; 2Sa. 24:1; 2Cô. 12:7, 8, 9

[q] Rô. 8:28

6. Đối với kẻ không tin kính và gian ác thì Đức Chúa Trời, là phán quan công bình của họ, bởi các tội lỗi của họ mà khiến lòng họ ^[r] mù tối và cứng cõi; Ngài không những giữ lại ^[s] ân điển của Ngài, là ân điển soi sáng trên tấm lòng của họ để họ có thể nhận thức về thân phận mình, mà có khi Ngài còn cất đi khỏi họ ^[t] các sự ban cho khác nữa, bỏ họ cho ^[u] tư dục của họ, để họ phải đối diện trước ^[x] các sự cám dỗ phạm tội, khiến họ phải chịu sự cám dỗ của thế gian, quyền lực của Satan, dẫn đến chỗ tự họ làm cho lòng mình thành ra ^[y] chai cứng bằng những cách mà, với cũng chính những cách ấy, Đức Chúa Trời có thể dùng để làm cho người ta đổi lòng trở nên mềm mại được.

[r] Rô. 1:24, 26, 28; 11:7, 8

[s] Phục. 29:4

[t] Ma. 13:12

[u] Thi. 81:11, 12; 2Tê. 2:10, 11, 12

[x] Phục. 2:30; 2Vua. 8:12, 13

[y] Xuất. 8:15, 32; Ês. 6:9, 10; 1Phi. 2:7, 8

7. Trong khi sự dự ứng phổ quát là phổ quát cho toàn thể giới thọ tạo thì sự dự ứng đặc biệt của Ngài chỉ dành cho ^[z] Hội Thánh của Ngài mà thôi để cho mọi sự nhờ đó mà làm ích cho họ.

[z] 1Ti. 4:10; Am. 9:8, 9; Ês. 43:3, 4, 5

Chương Thứ Sáu

“Cuộc Sa Bại Của Nhân Loại, Tội Lỗi, Và Sự Đoán Phạt Dành Cho Tội Lỗi”



1. Dầu rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người theo sự chính trực và hoàn hảo, và ban cho con người luật công nghĩa của Ngài để họ giữ lấy để theo đó mà sống, và Đức Chúa Trời cũng còn phán đề răn đe trước về ^[a] sự chết của việc vi phạm luật pháp Ngài nhưng con người đã không thể giữ mình được lâu dài trong vinh dự ấy, ^[b] Satan đã dùng sự khéo léo của con rắn mà đánh bại Êva, và rồi Êva đã cám dỗ Adam là người đã tự nguyện bằng lòng vi phạm luật của Đức Chúa Trời và mệnh lệnh Ngài đã ban cho họ qua việc ăn trái cây Ngài đã cấm họ ăn là việc mà Đức Chúa Trời, thể theo sự định mạng khôn ngoan vô hạn của Ngài, cũng đã định trước để xảy ra hậu sự vinh hiển của Ngài qua đó cũng sẽ được bày tỏ.

[a] Sáng. 2:16, 17

[b] Sáng. 3:12,13; 2Cô. 11:3

2. Bởi tội lỗi này mà nguyên tổ của chúng ta mất đi ^[c] sự công nghĩa nguyên thủy và sự thông công với Đức Chúa Trời, và vì dòng dõi loài người chúng ta là từ họ mà ra cho nên cũng phải cùng họ mà chịu sự chết: ^[d] Tất cả mọi người đều phải chết trong tội mình, phải bị ô uế cả thân và hồn ^[e] cách hoàn toàn.

[c] Rô. 3:23

[d] Rô. 5:12-21

[e] Tít 1:15; Sáng. 6:5; Giê. 17:9; Rô. 3:10-19

3. Chính nguyên tổ của chúng ta là ^[f] căn nguyên, bởi sự thiết định của Đức Chúa Trời, phải chịu sự qui kết về tội lỗi và vì họ là người đứng đầu cho cả dòng dõi nhân loại cho nên bản chất tội lỗi của họ được lưu hậu xuống cho mọi thế hệ sau họ vì vậy tất cả mọi người đều ^[g] được hoài thai trong tội lỗi và phải làm con của ^[h] sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời, làm đầy tớ cho tội lỗi, ^[i] phải chịu sự chết, phải chịu mọi điều khốn khổ về thuộc linh trong thế gian này và cả trong cõi đời đời nữa nếu như họ không có được ^[k] sự giải thoát từ Đức Chúa Jêsus Christ.

[f] Rô. 5:12-19; 1Cô. 15:21, 22, 45, 49

[g] Thi. 51:5; Gióp 14:4

[h] Êph. 2:3

[i] Rô. 6:20; 5:12

[k] Hê. 2:15; 1Tê. 1:10

4. Do chính sự hư hoại nguyên thủy từ sự sa bại nguyên thủy mà con người trở nên ^[1] hoàn toàn miệt cưỡng, bất năng, và đối nghịch cùng mọi sự thiện hảo theo sự nhìn nhận của Đức Chúa Trời và hoàn toàn có xu hướng về điều ác, ^[m] lâm lụy trong các sự sai phạm khác nhau.

[1] Rô. 8:7; Côi. 1:21

[m] Gia. 1:14, 15; Ma. 15:19

5. Trong đời này, bản chất cũ hư hoại của những người đã được tái sinh, mặc dầu họ đã được đền tội thay và được tha thứ trong Đức Chúa Jêsus, ^[n] vẫn cứ tồn tại song song trong con người của họ khiến cho luôn có một sự vận động xu hướng về ^[o] tội lỗi.

[n] Rô. 7:18,23; Truyền. 7:20; 1Gi. 1:8

[o] Rô. 7:23, 24, 25; Gal. 5:17

Chương Thứ Bảy “Giao Ước Của Đức Chúa Trời”



1. Sự ngăn cách giữa Đức Chúa Trời với tạo vật của Ngài rất lớn lao: Dầu rằng loài người phải vâng phục Ngài như là Đấng Sáng Tạo của mình nhưng họ vĩnh viễn không thể nào đạt được phần thưởng về sự sống đời đời cho việc ấy cho nên Đức Chúa Trời đã phải ^[a] hạ cố trong một chừng mực nhất định để ban cho loài người sự giao ước của Ngài đối với họ.

[a] Lu. 17:10; Gióp 35:7, 8

2. Ngoài ra, loài người cũng đã tự đặt mình ^[b] dưới sự rửa sả của luật pháp dành cho cuộc sa bại của nguyên tổ cho nên Đức Chúa Trời đã đẹp ý ban cho họ giao ước ân điển để ban cho họ là những tội nhân ^[c] sự sống và sự cứu rỗi nhờ Đức Chúa Jêsus Christ mà chỉ đòi hỏi họ phải có đức tin nơi Ngài để qua đó họ sẽ được cứu; và ^[d] Ngài cũng hứa ban Đức Thánh Linh cho những ai đã được chọn vào sự sống đời đời để giúp họ vừa có lòng muốn tin vừa có năng lực tin.

[b] Sáng. 2:17; Gal. 3:10; Rô. 3:20, 21

[c] Rô. 8:3; Mác 16:15, 16; Gi. 3:16

[d] Êx. 36:26, 27; Gi. 6:44, 45; Thi. 110:3

3. Giao ước này đã được bày tỏ trong Tin Lành mà trước hết là lời hứa cho Adam về sự cứu rỗi nhờ ^[e] Người Dòng Dõi của người nữ, và rồi sau đó ^[f] được phát triển rộng ra và hoàn thành trong Kinh Thánh Tân Ước; và sự thực hiện ^[*] giao ước đời đời ấy được xây dựng theo sự điều hành và thi hành giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con để cứu chuộc những kẻ được chọn của Ngài; và chỉ duy nhất bởi ân điển từ giao ước này mà dòng dõi sa bại của Adam ^[g] được cứu và được hưởng sự sống đời đời vì con người hoàn toàn bất lực trong việc làm cho Đức Chúa Trời chấp nhận như Ngài đã từng chấp nhận Adam khi còn chưa phạm tội.

[e] Sáng. 3:15

[f] Hê. 1:1

[*] 2Ti. 1:9; Tít 1:2

[g] Hê. 11:6, 13; Rô. 4; Công. 4:12; Gi. 8:56

Chương Thứ Tám

“Đức Chúa Jêsus Christ Là Đáng Trung Bảo”



1. Trong mục đích đời đời của Đức Chúa Trời Ngài đã đẹp ý chọn và lập Đức Chúa Jêsus, Con Một của Ngài, thể theo giao ước tương tuyền giữa Ba Ngôi Đức Chúa Trời, ^[a] làm Đáng Trung Bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người; Ngài cũng là ^[b] Đáng Tiên Tri, ^[c] Thầy Tế Lễ, và ^[d] Vua nữa; Ngài chính là Nguyên Thủ và Cứu Chúa của Hội Thánh, là Đáng Thừa Thọ muôn sự của Đức Chúa Trời, là Thẩm Phán của thế gian; chính Đức Chúa Jêsus là Đáng mà từ cõi đời đời Đức Chúa Trời ^[e] đã ban cho Ngài một Dân làm dòng dõi là Dân mà đến kỳ đã định sẽ được kêu gọi, được cứu chuộc, được xưng công bình, được nên thánh, và được làm cho vinh hiển.

[a] Ês. 42:1; 1Phi. 1: 19, 20

[b] Công. 3:22

[c] Hê. 5:5, 6

[d] Thi. 2:6; Lu. 1:33; Êph. 1:22; Hê. 1:2; Công. 17:31

[e] Ês. 53:10; Gi. 17:6; Rô. 8:30

2. Con Đức Chúa Trời, Ngôi Hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, chính là Đức Chúa Trời hoàn toàn, là sự sáng của sự vinh hiển của Đức Chúa Cha, Ngài và Đức Chúa Cha có cùng một bản thể và Ngài đồng đẳng với Đức Chúa Cha trong công cuộc sáng tạo thế gian, Ngài là Đáng bảo tồn và cai quản cả thế giới thọ tạo, đến kỳ đã định Ngài tự mặc lấy ^[f] bản chất người cùng với tất cả mọi sự có liên quan đến bản chất người mà ^[g] vẫn vô nhiễm tội, Ngài được thai dựng bởi Đức Thánh Linh trong lòng trinh nữ Mari khi quyền phép Đức Thánh Linh đến với bà và quyền năng của Đáng Rất Cao che phủ trên bà để rồi ^[h] bà, vốn là một người nữ thuộc chi phái Giuđa và là hậu tự của Ápraham và Đavít theo như Kinh Thánh cho biết, từ đó mà hai bản chất phân biệt nhưng trộn vện hiệp lại với nhau cách bất khả phân li thành một Thân Vị mà vẫn không có bất cứ sự biến đổi nào, bất cứ sự tổng hợp nào, hoặc bất cứ một sự pha trộn nào; Thân Vị ấy vừa là Đức Chúa Trời hoàn toàn vừa là con người hoàn toàn mà vẫn là chỉ một ^[i] Đức Chúa Jêsus Christ, Đáng Trung Bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người.

[f] Gi. 1:14; Gal 4:4

[g] Rô. 8:3; Hê. 2:14, 16, 17; 4:15

[h] Ma. 1:22-23; Lu. 1:27, 31, 35

[i] Rô. 9:5; 1Ti. 2:5

3. Đức Chúa Jêsus mà Thân Vị của Ngài là Đức Chúa Con, bản chất người trong thân trạng của Ngài thống nhất với bản chất Thiên Thượng của bản thể Ngài, Ngài được nên thánh và xúc dầu với ^[k] Đức Thánh Linh cách vô hạn lượng, ^[l] Ngài có đầy trọn mọi sự thông sáng và khôn ngoan; ^[m] mọi sự thuộc Đức Chúa Cha đều ở cùng Đức Chúa Con đến mức là Ngài ^[n] thánh khiết hoàn toàn, vô tội hoàn toàn, vô nhiễm hoàn toàn, ^[o] đầy đầy ân điển và lễ thật hầu cho Ngài ^[p] thi hành chức trách của Đấng Trung Bảo là chức trách chẳng phải chỉ do Ngài tự ý mặc lấy mà còn là ^[q] được Đức Chúa Cha hiệu triệu với ^[r] đầy đủ quyền năng Thiên Thượng và quyền hạn phán xét thế gian phó vào tay Ngài, cùng với mệnh lệnh thi hành mọi quyền của Ngài.

[k] Thi. 45:7; Công. 10:38; Gi. 3:34
[l] Côi. 2:3
[m] Côi. 1:19
[n] Hê. 7:26
[o] Gi. 1:14
[p] Hê. 7:22
[q] Hê. 5:5
[r] Gi. 5:22, 27; Ma. 28:18; Công. 2:36

4. Chức trách của Đức Chúa Jêsus vốn được Ngài ^[s] tự nguyện đảm trách là một chức trách Ngài đã phải thi hành dưới Luật Pháp, và Ngài ^[t] đã thi hành cách hoàn hảo, và Ngài đã phải trải qua ^[u] sự đoán phạt - là một sự đoán phạt đáng ra chúng ta phải tự mang, tự chịu - thay cho chúng ta, Ngài đã trở nên ^[x] có tội và ở dưới tai ách bởi tội lỗi vì chúng ta; Ngài đã phải trải qua ^[y] sự đau đớn, buồn bực trong linh hồn mình cũng như sự đau đớn cùng cực trong thân thể mình, Ngài đã bị xử đóng đinh, chết và chôn trong mồ mả mà vẫn không phải bị hư nát: Đến ^[a] ngày thứ ba Ngài đã sống lại trong ^[b] thân thể mà Ngài đã chịu khổ, Ngài đã ^[c] thăng thiên về Thiên Đàng trong thân thể, ngự ngôi bên hữu Đức Chúa Cha như ^[d] Đấng Cầu Thay, và Ngài sẽ ^[e] tái lâm để phán xét cả loài người và thiên sứ vào kỳ tận chung của thế gian.

[s] Thi. 40: 7-8; Hê. 10:5-11; Gi. 10:18
[t] Gal. 4:4; Ma. 3:15
[u] Gal. 3:13; Ês. 53:6; 1Phi. 3:18
[x] 2Côi. 5:21
[y] Ma. 26:37, 38; Lu. 22:44; Ma. 27:46
[z] Công. 13:37
[a] 1Côi. 15:3, 4
[b] Gi. 20:25, 27
[c] Mác 16:19; Công. 1:9, 10, 11
[d] Rô. 8:34; Hê. 9:24
[e] Công. 10:42; Rô. 14:9, 10; Công. 1:11; 2Phi. 2:4

5. Đức Chúa Jêsus, bởi sự vâng phục hoàn toàn của Ngài đã dâng chính mình làm của lễ, đã bởi thần tính đời đời của mình dâng của lễ ấy duy nhất một lần lên cho Đức Chúa Trời, ^[f] đã làm người được con giận của sự công nghĩa của Đức Chúa Trời, đem lại sự phục hòa giữa Đức Chúa Trời và loài người, đã giành được quyền thừa hưởng Vương Quốc Thiên Đàng cho đến đời đời cho ^[g] những kẻ mà Đức Chúa Cha đã ban cho Ngài.

[f] Hê. 9:14; 10:14; Rô. 3:25, 26

[g] Gi. 17:2; Hê. 9:15

6. Dầu rằng giá của sự cứu chuộc của Đức Chúa Jêsus Christ chưa được trả thực sự cho đến sau khi Ngài nhập thể ^[*] nhưng giá trị, tác dụng, hiệu quả của sự trả giá thay ấy vốn có hiệu dụng trên tất cả mọi thời đại kể từ trước khi có thể gian bởi các lời hứa, các mô thức, và các sinh tể làm biểu tượng bày tỏ về Ngài, và biểu thị Ngài như là Người Dòng Dối là Đấng sẽ “sẽ giày đạp đầu” con rắn; là Đấng được xưng là ^[h] “Chiên Con đã bị giết từ buổi sáng thế”, là Đấng ^[i] “hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi”.

[*] 1Cô. 4:10; Hê. 4:2; 1Phi. 1:10, 11

[h] Khải. 13:8

[i] Hê. 13:8

7. Chúa Cứu Thế Jêsus, trong công nghiệp trung bảo của Ngài, thực hiện chức trách mình theo cả hai bản chất của Ngài tùy theo chức năng của mỗi bản chất ấy; nhưng, theo sự khải thị từ Lời Kinh Thánh, vì sự thống nhất của hai bản chất ấy trong Thân Vị Ngài cho nên có lúc một trong hai bản chất ấy ^[k] trở nên nổi trội hơn so với bản chất còn lại.

[k] Gi. 3:13; Công. 20:28

8. Tất cả những ai nhận được sự cứu chuộc đời đời từ Đức Chúa Jêsus Christ đều được Ngài ^[l] ban cùng một sự hiệu dụng cứu chuộc như nhau, được trung bảo như nhau; Ngài hiệp nhất họ lại với Ngài bởi Đức Thánh Linh của Ngài, Ngài ^[m] khải thị Ngài cho họ trong Lời Ngài và bằng Lời Ngài trong Kinh Thánh, bằng lẽ mâu nhiệm của sự cứu chuộc, bằng việc thuyết phục họ tin cậy và vâng lời, bằng ^[n] việc gìn giữ tâm lòng của họ bằng Lời Ngài và Thánh Linh của Ngài, và bằng ^[o] việc giúp họ đắc thắng mọi kẻ thù thuộc linh của họ bằng quyền năng và sự khôn ngoan tối thượng của Ngài thể theo các thể chế tương ứng với sự ban cho tuyệt diệu ^[p] cách không thể dò lường hết được của Ngài; và tất cả những sự ấy đều hoàn toàn là ân điển thuần túy, tức không hề phụ thuộc vào bất cứ điều kiện tiên quyết hay dẫn xuất nào cả.

- [l] Gi. 6:37; 10:15, 16; 17:9; Rô. 5:10
[m] Gi. 17:6; Êph. 1:9; 1Gi. 5:20
[n] Rô. 8:9, 14
[o] Thi. 110:1; 1Cô. 15:25, 26
[p] Gi. 3:8; Êph. 1:8

9. Chức trách trung bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người này của Đức Chúa Jêsus ^[q] chỉ có duy nhất ở nơi Ngài là Đấng Tiên Tri, Thầy Tế Lễ, và Vua của Hội Thánh của Đức Chúa Trời mà thôi; và chức trách này không thể được chuyển giao, bất kể là toàn bộ hay một phần, từ Ngài sang bất cứ một con người nào cả.

[q] 1Ti. 2:5

10. Trật tự của các vai trò của Đức Chúa Jêsus như đã được kể (“Đấng Tiên Tri, Thầy Tế Lễ, và Vua”) là nhất định vì chúng ta vốn ^[r] tối tăm nên phải cần đến vai trò Tiên Tri của Ngài; và vì tình trạng cách xa Đức Chúa Trời của chúng ta và ^[s] sự bất toàn trong mọi sự hầu việc của chúng ta chúng ta cần vai trò Thầy Tế Lễ của Ngài để chúng ta có thể được phục hòa lại với Đức Chúa Trời; và vì sự an toàn của chúng ta trước các kẻ thù thuộc linh của chúng ta mà chúng ta phải cần vai trò Vua của Ngài để được Ngài ^[t] thuyết phục, chinh phục, kéo đến gần, nâng đỡ, giải thoát, và bảo tồn trong Vương Quốc Thiên Đàng của Ngài.

- [r] Gi. 1:18
[s] Côl. 1:21; Gal. 5:17
[t] Gi. 16:8; Thi. 110:3; Lu. 1:74-75

Chương Thứ Chín “Ý Chí Tự Do”



1. Đức Chúa Trời đã phú cho con người bản chất tự do và năng lực hành động theo sự chọn lựa chủ quan, tức không hề bị thúc ép, cũng không phải bởi ^[a] một khuynh hướng hoặc thiện, hoặc ác nào quyết định.

[a] Ma. 17:12; Gia. 1:14; Phục. 30:19

2. Trong trạng thái vô tội nguyên nguyên con người đã từng có sự tự do và năng lực ý chí để làm theo những gì tốt và đẹp ý Đức Chúa Trời, nhưng năng lực và ý chí ấy ấy không hề bị cưỡng buộc cho nên con người không thể cứ luôn luôn làm theo điều tốt và làm điều đẹp ý Đức Chúa Trời.

[b] Truyền. 7:29

[c] Sáng. 3:6

3. Trong trạng thái sa bại trong tội lỗi loài người đã mất hẳn ^[d] năng lực chọn lựa làm theo điều thiện là điều sẽ có sau khi đã được cứu cho nên người chưa được cứu không có khuynh hướng làm theo điều thiện cách tự nhiên, họ ^[e] đang chết trong tội lỗi mình, họ không có năng lực ^[f] tự biến cải mình hoặc tự chuẩn bị mình cho sự biến cải hướng về sự thiện hảo.

[d] Rô. 5:6; 8:7

[e] Êph. 2:1, 5

[f] Tít 3:3, 4, 5; Gi. 6:44

4. Khi Đức Chúa Trời biến cải một tội nhân và đem người ấy vào trong ân điển Ngài thì ^[g] Ngài giải thoát họ khỏi ách tội vốn có, và chỉ duy nhất bằng ân điển của Ngài mà Đức Chúa Trời giải thoát họ để họ biết ^[h] vừa muốn vừa làm theo các sự thiện hảo thuộc linh; dầu vậy, vì có ^[i] sức mạnh của tội lỗi vẫn cứ còn trong con người mình mà họ vẫn chưa được hoàn hảo và họ không chỉ muốn làm điều thiện mà cũng lại còn muốn làm theo điều ác nữa.

[g] Côi. 1:13; Gi. 8:36

[h] Php. 2:13

[i] Rô. 7:15, 18, 19, 21, 22, 23

5. Bản chất tự do và năng lực hành động ^[k] hoàn toàn theo điều thiện của con người chỉ được tái lập trong trạng thái vinh hiển khi họ được ở trong sự vinh hiển của Đức Chúa Trời mà thôi.

[k] Êph. 4:13

Chương Thứ Mười “Sự Kêu Gọi Bất Khả Kháng”



1. Đối với những ai đã được Đức Chúa Trời tiền định cho sự sống thì Ngài đã đẹp ý mà định một kỳ để ban cho họ ^[a] sự kêu gọi bất khả kháng của Ngài, bởi Lời Ngài và Đức Thánh Linh của Ngài, để đem họ ra khỏi tội lỗi và sự chết mà họ vốn vẫn ở trong đó để đến với ân điển và sự cứu rỗi ^[b] trong và qua Đức Chúa Jêsus Christ; khai sáng tâm trí họ về phương diện thuộc linh và sự cứu rỗi hầu họ ^[c] hiểu được những sự thuộc về Đức Chúa Trời; cất bỏ ^[d] tấm lòng chai cứng của họ đi mà thay vào cho họ tấm lòng mềm mại; đổi mới ý chí của họ, và bởi quyền năng lớn lao của Ngài đem họ ^[e] vào trong sự thiện hảo, và kéo họ một cách đầy hiệu lực để họ đến với Đức Chúa Jêsus Christ; Dầu vậy thì, nhờ ân điển Ngài, ^[f] họ vẫn không bị tước mất đi sự sẵn lòng của họ trong tất cả những gì vừa kể.

[a] Rô. 8:30; 11:7; Êph. 1:10,11; 2Tê. 2:13,14

[b] Êph. 2:1-6

[c] Công. 26:18. Êph. 1:17,18

[d] Êx. 36:26

[e] Phục. 30:6; Êx. 36:27; Êph. 1:19

[f] Thi. 110:3. Nhã. 1:4

2. Sự kêu gọi bất khả kháng này của Đức Chúa Trời là hoàn toàn bởi ân điển tự nguyện và chiếu cố của Ngài, ^[g] không phụ thuộc vào bất cứ điều gì đã được thầy nơi người được gọi, cũng không bị tác động bởi bất cứ quyền lực hay tác dụng nào ^[h] từ giới thọ tạo là giới vốn bị động, đang bị chết vì lầm lỗi và tội ác khi chưa có được sự kích hoạt của Đức Thánh Linh; chính Đức Thánh Linh là Đấng ban quyền cho con người đáp ứng thuận với sự kêu gọi này của Đức Chúa Trời, và cho họ biết nắm bắt ân điển được ban trong sự kêu gọi ấy, và quyền năng được Đức Thánh Linh ban này không hề kém hơn ^[i] quyền năng đã đem Đức Chúa Jêsus Christ sống lại từ trong mồ mả.

[g] 2Ti. 1:9; Êph. 2:8

[h] 1Cô. 2:14; Êph. 2:5; Gi. 5:25

[i] Êph. 1:19, 20

3. Đối với những người được chọn mà phải qua đời khi còn ấu thơ thì họ sẽ được ^[k] tái sanh và được cứu bởi Đức Chúa Jêsus Christ qua Đức Thánh Linh là Đấng hành quyền của Ngài theo thời điểm, nơi chốn, và ^[l] phương cách mà Ngài đẹp ý; còn đối với những người được chọn của Đức Chúa Trời mà bất

năng đáp ứng với sự kêu gọi qua các mục vụ của Lời Ngài thì họ cũng sẽ được cứu theo cách như vậy.

[k] Gi. 3:3, 5, 6

[l] Gi. 3:8

4. Đối với những người không được chọn thì dầu rằng họ có được kêu gọi qua các mục vụ của bởi Lời Đức Chúa Trời và [m] dầu họ có được ở dưới một số các sự vận động chung của Đức Thánh Linh nhưng không có được sự kêu gọi bất khả kháng của Đức Chúa Cha thì họ vừa không muốn, vừa không thể nào [n] thực sự đến được với Đức Chúa Jêsus Christ, và vì vậy mà sẽ không được cứu: Những người không thực sự tin theo Cơ Đốc Giáo không thể nào [o] được cứu vì họ là những người vừa không hưởng ứng theo sự khải thị tự nhiên, vừa không chịu đặt đời sống mình dưới ánh sáng của Đạo mà họ tự xưng là họ tin theo.

[m] Ma. 22:14; 13:20, 21; Hê. 6:4, 5

[n] Gi. 6:44, 45, 65; 1Gi. 2:24, 25

[o] Công. 4:12; Gi. 4:22; 17:3

Chương Thứ Mười Một “Sự Xưng Công Bình”



1. Những ai được Đức Chúa Trời ban cho sự kêu gọi bất khả kháng của Ngài cũng sẽ được Ngài ^[a] xưng công bình, không phải bằng việc truyền vào trong họ sự công bình của Ngài mà bằng việc Ngài ^[b] tha tội cho họ, và bằng việc chấp nhận họ và kể họ là ^[c] công bình; chẳng phải vì bất cứ gì từ họ mà tất cả chỉ vì Đức Chúa Jêsus Christ mà thôi; chẳng phải vì tự thân đức tin hoặc thể theo bất cứ một ^[d] sự vâng phục nào của họ mà chính là bởi sự qui kết thể theo sự vâng phục chủ động của Đức Chúa Jêsus Christ đối với toàn bộ luật pháp của Đức Chúa Trời, và thể theo sự vâng phục thụ động của Ngài trong sự chết Ngài mà kẻ được gọi của Đức Chúa Trời được xưng là công bình; kẻ được gọi của Đức Chúa Trời ^[e] tiếp nhận Chúa Cứu Thế Jêsus và toàn tín nơi Ngài bằng đức tin là điều không phải tự họ có được mà thật ra là sự ban cho của Đức Chúa Trời.

[a] Rô. 3:24; 8:30

[b] Rô. 4:5, 6, 7, 8; Êph. 1:7

[c] 1Cô. 1:30, 31; Rô. 5:17, 18, 19

[d] Php. 3:8, 9; Êph. 2:8, 9, 10

[e] Gi. 1:12; Rô. 5:17

2. Đức tin của kẻ được chọn của Đức Chúa Trời để toàn tín nơi Đức Chúa Jêsus Christ và sự công bình của Ngài là ^[f] phương cách duy nhất để được xưng công bình: Dầu vậy cũng chẳng phải chỉ bởi duy nhất đức tin của kẻ được chọn của Đức Chúa Trời mà họ được xưng công bình mà đức tin ấy luôn luôn được cặp theo bởi các ân điển khác của Ngài nữa, và đức tin luôn luôn phải là đức tin ^[g] kết quả trong tình yêu thương.

f Rô. 3:28

g Gal. 5:6; Gia. 2:17, 22, 26

3. Đức Chúa Jêsus, bởi sự vâng phục và sự chết của Ngài, đã thực sự trả xong nợ tội của những người đã được xưng công bình; Ngài làm điều ấy bằng sự hy sinh chính Ngài, bởi huyết đã đổ trên Thập Tự Giá, trả thay án phạt cho họ, đáp ứng đầy đủ điều kiện của ^[h] sự công nghĩa của Đức Chúa Trời để tha tội vì chính Đức Chúa Cha đã ban Ngài cho họ chứ chẳng do bất cứ điều chi từ họ cả, sự xưng công bình ấy hoàn toàn là ^[i] sự ban cho về ân điển là ân điển công nghĩa và phong phú cho chính ^[k] sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

[h] Hê. 10:14; 1Phi. 1:18,19; Ês. 53:5, 6
[i] Rô. 8:32; 2Cô. 5:21
[k] Rô. 3:26; Êph. 1:6, 7; 2:7

4. Từ trong tận cùng của quá khứ Đức Chúa Trời đã định mạng trong Nguyên Chỉ của Ngài về ^[l] sự xưng công bình cho người được chọn của Ngài, và khi kỳ hạn đã được trọn thì Đức Chúa Jêsus Christ đã chịu chết đền thay tội cho họ, và Ngài đã ^[m] phục sinh vì sự xưng công bình cho họ; tuy nhiên không phải là vì thế mà họ được xưng công bình ngay mà là phải đến kỳ của từng người thì Đức Thánh Linh ^[n] mới qui kết sự công nghĩa của Đức Chúa Jêsus cho họ.

[l] Gal. 3:8; 1Phi. 1:2; 1Ti. 2:6
[m] Rô. 4:25
[n] Côl. 1:21,22; Tít 3:4, 5, 6, 7

5. Đức Chúa Trời cứ tiếp tục ^[o] tha thứ tội cho những người đã được Ngài xưng công bình; và dầu rằng họ sẽ chẳng bao giờ lại mất ^[p] sự công bình đã được xưng nhưng từng lúc họ có thể sa vào tội lỗi, ^[q] ở dưới sự bất bình trong tình cha con của Đức Chúa Trời; trong những tình thế như vậy họ sẽ thôi không còn là sự sáng đã được Đức Chúa Trời phục hồi cho đến khi nào họ chịu ^[r] hạ mình, ăn năn tội, cầu xin sự tha thứ, và họ đổi mới đời sống đức tin của mình.

[o] Ma. 6:12; 1Gi. 1:7, 9
[p] Gi. 10:28
[q] Thi. 89:31, 32, 33
[r] Thi. 32:5; 51; Ma. 26:75

6. Sự xưng công bình cho các tín hữu Cựu Ước cũng thuộc trong ^[s] cùng một khuôn khổ như đối với các tín hữu Tân Ước vậy.

[s] Gal. 3:9; Rô. 4:22, 23, 24

Chương Thứ Mười Hai

“Sự Nhận Làm Con”



1. Tất cả những người đã được xưng công bình, theo sự hạ cố của Đức Chúa Trời vì có Con Một của Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ đều được trở nên kẻ dự phần ân điển Ngài ^[a] với việc nhận họ làm con; là sự mà nhờ đó họ được ở vào hàng con cái của Ngài, được vui hưởng mọi sự tự do và ^[b] đặc quyền của con cái Đức Chúa Trời; họ ^[c] được mang Danh Ngài, ^[d] được nhận Đức Thánh Linh của sự nhận làm con, ^[e] được đến gần Ngôi Ân Điển trong sự dạn dĩ; được kích hoạt để nhận biết Đức Chúa Trời là Cha Thiên Thượng của mình; ^[f] được thương xót, ^[g] được che chở, ^[i] được cung ứng, ^[k] được Ngài sửa trị trong tình cha con chứ ^[l] không bao giờ bị loại bỏ cả và được ấn chứng ^[m] cho đến ngày cứu chuộc, và được thừa thọ mọi lời hứa ^[n] như là kẻ kế tự của sự cứu rỗi đời đời.

- [a] Êph. 1:5; Gal. 4:4, 5
- [b] Gi. 1:12; Rô. 8:17
- [c] 2Cô. 6:18; Khải. 3:12
- [d] Rô. 8:15
- [e] Gal. 4:6; Êph. 2:18
- [f] Thi. 103:13
- [g] Châm. 14:26
- [i] 1Phi. 5:7
- [k] Hê. 12:6
- [l] Ês. 54:8, 9; Ca. 3:31
- [m] Êph. 4:30
- [n] Hê. 1:14; 6:12

Chương Thứ Mười Ba

“Sự Nền Thánh”



1. Những người đã được ở trong Đấng Christ là những người đã được kêu gọi, đã được tái sinh, đã được có một tấm lòng mới và ý chí mới nhờ sự chết và sự sống lại của Ngài; họ cũng đang được ^[a] Đức Chúa Cha làm cho nên thánh cách cá nhân và thực sự nhờ cùng một sự chết và sự sống lại của Chúa Cứu Thế Jêsus bởi ^[b] Lời Kinh Thánh và Đức Thánh Linh ở cùng trong thân thể và đời sống của họ; ^[c] sự thống trị tuyệt đối của tội lỗi trên thân thể họ đã bị phá vỡ cùng với ^[d] các sự tham dục khác nữa, và những sự tham dục ấy ngày càng được làm cho trở nên yếu dần, và cuối cùng sẽ bị triệt tiêu hẳn; đồng thời họ cũng ngày càng trở nên tích cực hơn, ^[e] mạnh mẽ hơn trong nguồn các ân điển của Đức Chúa Trời để ^[f] thực hành sự thánh khiết thật sự của Ngài là sự thánh khiết mà nếu ai không có được thì cũng sẽ không thấy được Đức Chúa Trời.

- [a] Công. 20:32; Rô. 6:5, 6
- [b] Gi. 17:17; Êph. 3:16, 17, 18, 19; 1Tê. 5:21, 22, 23
- [c] Rô. 6:14
- [d] Gal. 5:14, 24
- [e] Côl. 1:11
- [f] 2Cô. 7:1; Hê. 12:14

2. Sự nền thánh này diễn ra trong ^[g] mọi phần của một con người nhưng sẽ vẫn cứ chưa hoàn hảo một khi ^[h] còn ở trong đời này; vẫn còn có các tàn dư của sự hư hoại trong các phần của con người họ khiến diễn ra một cuộc tranh chiến ^[i] không hòa hoãn và không ngưng nghỉ trong đời sống họ vì sự mê tham của xác thịt luôn nghịch lại ý chỉ của Đức Thánh Linh, và ý chỉ của Đức Thánh Linh cũng nghịch lại sự mê tham của xác thịt.

- [g] 1Tê. 5:23
- [h] Rô. 7:18, 23
- [i] Gal. 5:17; 1Phi. 2:11

3. Trong cuộc tranh chiến ấy cho dầu có khi tàn dư của sự hư hoại ^[k] thắng thế nhưng qua sự thêm sức cho họ nên thánh không ngừng bởi Đức Thánh Linh của Đấng Christ thì ^[l] xu hướng tái sinh vẫn cứ thắng thế và cuối cùng sẽ toàn thắng; nhờ đó các thánh đồ cứ mãi mãi tăng trưởng trong ân điển theo sự thánh khiết hoàn hảo tỷ lệ thuận với sự kính sợ Đức Chúa Trời, ^[m] họ sống đời sống về hướng Thiên Đàng trong sự vâng phục Cơ Đốc đối với mọi giới mạng của

Đức Chúa Jêsus Christ, Đấng là Nguyên Thủ và cũng là Vua của họ, thể theo Lời Kinh Thánh.

[k] Rô. 7:23

[1] Rô. 6:14

[m] Êph. 4:15,16; 2Cô. 3:18; 7:1

Chương Thứ Mười Bốn

“Đức Tin Cứu Rồi”



1. Ân điển Đức Tin mà nhờ đó kẻ được chọn của Đức Chúa Trời được kích hoạt để tin cho được sự cứu rỗi là công việc của Đức Thánh Linh ^[a] trong tâm lòng của họ, và cũng là mục vụ thường hằng của ^[b] Lời Kinh Thánh nữa; đồng thời cũng qua việc tuân thủ Phép Báp-têm, Lễ Tiệc Thánh, đời sống cầu nguyện cùng những phương thức được qui định theo thánh ý của Đức Chúa Trời mà đức tin của họ được tăng tiến ngày càng ^[c] mạnh hơn.

[a] 2Cô. 4:13; Êph. 2:8

[b] Rô. 10:14, 17

[c] Lu. 17:5; 1Phi. 2:2; Công. 20:32

2. Bởi đức tin này mà Cơ Đốc Nhân tin rằng ^[*] những gì được khai thị qua Kinh Thánh đều chân thật thể theo chính thẩm quyền của Đức Chúa Trời; và Lời Kinh Thánh là cao sâu ^[d] hơn tất cả mọi văn phẩm khác trên thế gian cũng như vượt trội hơn mọi sự trong thế gian vì Lời Kinh Thánh mang dấu ấn của sự vinh hiển của Đức Chúa Trời qua các mỹ đức của Ngài, tính vĩ đại của Đấng Christ qua bản chất và các thiên chức của Ngài, và quyền năng và sự rõ nét của Đức Thánh Linh qua sự vận hành và công nghiệp của Ngài; tất cả những điều ấy ban quyền năng ^[e] cho các đời sống tin theo các lẽ thật Kinh Thánh và tác động trên các đời sống ấy cách đa dạng và phong phú tùy theo từng nội dung dạy dỗ, tùy theo sự vâng phục đối với ^[f] các giới mạng trong Kinh Thánh, tùy theo ^[g] sự kính cẩn và tôn trọng đối với Lời Kinh Thánh của từng cá nhân, tùy theo thái độ tin quyết đối với ^[h] các lời hứa về đời này và cả đời sau của Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh của mỗi cá nhân; dấu vậy thì nguyên tắc hiệu lực chung vẫn cứ là đức tin cứu rỗi ở mỗi cá nhân duy nhất đặt nơi Đức Chúa Jê-sus và mối quan hệ mật thiết với ^[i] duy nhất Đức Chúa Jê-sus của mỗi cá nhân để được sự xưng công bình, sự nên thánh, và sự sống đời đời thể theo giao ước ân điển của Đức Chúa Trời.

[*] Công. 24:14

[d] Thi. 19:7, 8, 9, 10; Thi. 119:72

[e] 2Ti. 1:12

[f] Gi. 15:14

[g] Ês. 66:2

[h] Hê. 11:13

[i] Gi. 1:12; Công. 16:31; Gal. 2:20; Công. 15:11

3. Dầu rằng đức tin này ở mỗi người có độ lượng khác nhau, ^[k] có thể yếu hay mạnh, nhưng ngay cả ở mức độ thấp nhất thì đức tin này (là đức tin cứu rỗi) vẫn cứ khác biệt về bản chất với ^[l] loại đức tin tưởng như đức tin ở các tín hữu tưởng như tín hữu; đức tin cứu rỗi lắm khi bị công kích, yếu thế nhưng sau cùng ^[m] vẫn cứ đắc thắng, tăng trưởng vượt bậc đến mức được ở trong sự ^[n] kiên bảo của Đức Chúa Jêsus Christ, là ^[o] Đáng Khởi Xuất mà cũng là Đáng Hoàn Thành của đức tin.

[k] Hê. 5:13, 14; Ma. 6:30; Rô. 4:19, 20

[l] 2Phi. 1:1

[m] Êph. 6:16; 1Gi. 5:4, 5

[n] Hê. 6:11,12; Côl. 2:2

[o] Hê. 12:2

Chương Thứ Mười Lăm

“Sự Ăn Năn Và Sự Cứu Rỗi”



1. Kẻ được chọn của Đức Chúa Trời là kẻ biến cải niềm tin theo kỳ đã định của Đức Chúa Trời, họ là người ^[a] đã từng sống trong trạng thái sa bại tự nhiên, do đó mà đã bị đầy đọa dưới các loại tham dục khác nhau nhưng Đức Chúa Trời, thể theo sự kêu gọi bất khả kháng của Ngài, đã ban cho họ sự ăn năn tội để đến với sự sống đời đời của Ngài.

[a] Tít 3:2, 3, 4, 5

2. Trong khi chẳng có ai biết làm điều lành, chẳng có ai - bất kể là họ tốt như thế nào - ^[b] là không phạm tội bởi quyền lực tà ác của sự hư hoại ở trong con người họ, ở dưới sự lôi cuốn không chống nổi của các sự cám dỗ khiến ngày càng sa vào tội lỗi cách trầm trọng hơn thì Đức Chúa Trời, bởi giao ước ân điển của Ngài, đã nhân từ mà làm cho các tội nhân ấy ^[c] được đổi mới qua sự ăn năn tội cho được sự cứu rỗi.

[b] Truyền. 7:20

[c] Lu. 22:31, 32

3. Sự ăn năn tội cho được sự cứu rỗi này là một ^[d] ân điển theo Tin Lành của Đức Chúa Trời để nhờ đó mà một người, vốn đã được Đức Thánh Linh làm cho nhận biết được tính tà ác của tội lỗi mình, và nhờ đức tin đặt nơi Đức Chúa Jêsus, biết tự hạ mình trong sự thống hối chân thành, trở nên kinh tởm đối với tội lỗi mình, trở nên tự trách mình, ^[e] biết cầu xin cho được sự tha thứ và ân điển, dẫn đến việc có ý thức và sự nỗ lực trong sự nương cậy Đức Thánh Linh để ^[f] sống làm đẹp ý Đức Chúa Trời trong mọi sự.

[d] Xa. 12:10; Công. 11:18

[e] Êx. 36:31; 2Cô. 7:11

[f] Thi. 119:6; 119:128

4. Sự ăn năn tội của người đã được biến cải niềm tin phải cứ tiếp tục suốt đời cho đến khi được qua đời này để bước vào sự sống của đời tiếp theo; do đó mà phận sự của mỗi người là phải luôn biết ăn năn về ^[g] mọi tội biết được của bản thân mình.

[g] Lu. 19:8; 1Ti. 1:13,15

5. Đó chính là sự dự ứng của Đức Chúa Trời mà Ngài đã thực hiện qua Đức Chúa Jêsus Christ theo giao ước ân điển của Ngài để duy trì mọi tín hữu trong sự cứu rỗi mà đối với sự cứu rỗi thì chẳng có tội nào là quá nhỏ khiến không bị ^[h] lên án đồng thời cũng chẳng có tội nào là quá lớn khiến cho dầu ^[i] đã ăn năn rồi mà vẫn còn bị buộc tội; và chính vì điều này mà phải luôn có sự giảng dạy về sự ăn năn tội.

[h] Rô. 6:23

[i] Êx. 1:16, 18; Ês. 55:7

Chương Thứ Mười Sáu

“Việc Lành”



1. Chỉ được kể là việc lành đối với những gì ^[a] được Kinh Thánh của Đức Chúa Trời đòi hỏi, còn những gì không được Kinh Thánh hậu thuẫn thì chỉ là do con người bày đặt ra theo sự ham thích mù tối của họ, hoặc ^[b] theo các thiện ý giả tạo của họ mà thôi.

[a] Mi. 6:8; Hê. 13:21

[b] Ma. 15:9; Ês. 29:13

2. Những việc lành theo Kinh Thánh được thực hiện theo sự vâng theo các giới mạng của Đức Chúa Trời là bông trái và ^[c] bằng chứng của đức tin sống động thực sự; và chính bởi các việc lành mà các tín hữu biểu lộ ^[d] lòng biết ơn của họ đối với Đức Chúa Trời, ^[e] làm cho sự bảo chứng đối với sự cứu rỗi của họ trở nên vững mạnh hơn, gây dựng được ^[f] các đồng đạo của họ, tô điểm cho Tin Lành, ngăn miệng xấu của những kẻ chống đối, và góp phần tôn qui vinh hiển ^[g] của Đức Chúa Trời là Đấng tác tạo nên con người và đời sống của họ ^[h] trong Đức Chúa Jêsus Christ khiến sản sinh ra bông trái của sự thánh khiết, đem họ dần vào ^[i] sự sống đời đời.

[c] Gia. 2:18, 22

[d] Thi. 116:12, 13

[e] 1Gi. 2:3,5; 2Phi. 1:5-11

[f] Ma. 5:16

[g] 1Ti. 6:1; 1Phi. 2:15; Php. 1:11

[h] Êph. 2:10

[i] Rô. 6:22

3. Năng lực làm việc lành của họ chẳng bao giờ là của chính họ cả mà là hoàn toàn bởi Đức Thánh Linh của ^[k] Đức Chúa Jêsus Christ; và bởi đó mà họ cần phải được ban quyền năng cùng với các ân điển khác để ^[l] qua ảnh hưởng thực sự của Đức Thánh Linh trong đời sống của họ mà giúp họ vừa muốn, vừa làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời; dầu vậy, họ cũng không được phép sống tắc trách như thể chẳng có bất cứ phận sự gì cả, mà họ phải ^[m] chuyên tâm giữ nhịp cho tâm lòng mình được đồng điệu với ân điển của Đức Chúa Trời trong đời sống họ.

[k] Gi. 15:4, 5

[l] 2Cô. 3:5; Php. 2:13

[m] Php. 2:12; Hê. 6:11,12; Ês. 64:7

4. Các tín hữu nhờ sự vâng lời Đức Chúa Trời mà đạt đến cấp độ việc lành cao nhất có thể có trong đời này thường làm các việc lành được nhiều hơn sự đòi hỏi theo phận sự của họ, và họ làm được nhiều hơn những gì Đức Chúa Trời kỳ vọng mà ^[n] vẫn chỉ xem đó là việc họ phải làm.

[n] Gióp 9:2, 3; Gal. 5:17; Lu. 17:10

5. Việc lành của chúng ta không bao giờ đền đáp được ơn tha tội của Đức Chúa Trời, hay sự sống đời đời của Ngài, vì những gì chúng ta làm được vĩnh viễn không sao cân đối được với sự vinh hiển mà chúng ta sẽ có trong tương lai, và ấy cũng là vì khoảng cách giữa Đức Chúa Trời với chúng ta là vô hạn; sự thật là chúng ta không thể nhờ việc lành ^[o] mà làm nhẹ đi ơn tha tội của Đức Chúa Trời được bất cứ chút nào cho nên dầu chúng ta có làm được tất cả những gì chúng ta có thể làm thì chúng ta cũng chỉ hoàn thành phận sự hầu việc của chúng ta mà thôi: Việc lành chỉ là việc lành nếu ấy là ^[p] nhờ sự vận hành của Đức Thánh Linh, thiếu sự vận hành của Đức Thánh Linh thì việc của chúng ta làm chỉ là sự ô ướ, ^[q] chỉ là yếu đuối, bất toàn và sẽ không tồn tại trước sự phán xét nghiêm minh của Đức Chúa Trời.

[o] Rô. 3:20; Êph. 2:8, 9; Rô. 4:6

[p] Gal. 5:22, 23

[q] Ês. 64:6; Thi. 143:2

6. Tuy nhiên, vì tín hữu được Đức Chúa Trời tiếp nhận trong và qua Đức Chúa Jêsus Christ cho nên việc lành của họ cũng được ^[r] Đức Chúa Trời chấp nhận; Ngài chấp nhận không phải vì, đối với Ngài, họ không chỗ trách được trong đời này mà là vì Ngài nhìn nhận họ qua Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ để rồi Ngài đẹp ý mà ban thưởng cho ^[s] sự thành tâm của họ cho dầu họ vẫn còn có chỗ yếu đuối, khiếm khuyết.

[r] Êph. 1:6; 1Phi. 2:5

[s] Ma. 25:21, 23; Hê. 6:10

7. Việc lành của người chưa được tái sinh cũng có thể là việc Đức Chúa Trời đòi hỏi, hoặc là việc hữu ích, hoặc ^[t] vừa hữu ích vừa được Đức Chúa Trời đòi hỏi nhưng vì những việc ấy không được khởi xuất từ tấm lòng đã được tẩy thanh bởi ^[u] đức tin, và cũng không được làm theo cách phù hợp với ^[w] Kinh Thánh, và cũng không nhằm mục đích góp phần ^[x] tôn vinh hiển Đức Chúa Trời cho nên vẫn bị kể là có tội và không thể nào đẹp ý Đức Chúa Trời được, cũng không thể giúp cho người làm việc lành như thế nhận được ân điển ^[y] của Đức

Chúa Trời dầu rằng nếu họ chẳng chịu làm những việc kiêu như vậy thì họ càng có tội gia trọng đối với Đức Chúa Trời.

- [t] 2Vua. 10:30; 1Vua. 21:27, 29
- [u] Sáng. 4:5; Hê. 11:4, 6
- [w] 1Cô. 13:1
- [x] Ma. 6:2, 5
- [y] Am. 5:21, 22; Rô. 9:16; Tit 3:5
- [z] Gióp 21:14, 15; Ma. 25:41, 42, 43

Chương Thứ Mười Bảy

“Sự Kiên Bảo Đức Tin Cho Các Thánh Đồ”



1. Những người đã được Đức Chúa Trời kêu gọi, tiếp nhận, làm cho nên thánh bởi Thánh Linh Ngài, cũng đã được Ngài ban cho đức tin; họ không thể nào bị mất sạch ân điển của Ngài, mà ^[a] nhất định sẽ giữ được đức tin cho đến cuối cùng và sẽ vĩnh viễn được cứu; họ sẽ cứ được ở trong các sự ban cho và kêu gọi không bao giờ thay đổi của Đức Chúa Trời (đề từ đó Ngài cứ tiếp tục trưởng dưỡng cho họ đức tin, sự ăn năn, tình yêu thương, lòng vui mừng, sự trông cậy cùng với mọi ân điển từ Đức Thánh Linh để được ở trong sự sống đời đời của Đức Chúa Trời); dầu rằng họ sẽ cứ còn phải đối diện với nhiều giông bão trong đời sống đức tin nhưng nhất định là họ sẽ không bao giờ bị dứt khỏi vàng đá đức tin của họ là Đức Chúa Jêsus Christ bất chấp mọi cám dỗ của Satan để trở thành vô tín; dầu rằng lắm khi họ mất sự nhạy bén đối với sự sáng và tình yêu thương của Đức Chúa Trời, dầu rằng lắm khi ^[b] họ thấy sự sáng và tình yêu thương của Đức Chúa Trời cách mờ nhạt nhưng thật ra sự sáng và tình yêu thương của Ngài đối với họ vẫn cứ y nguyên và ^[c] nhất định quyền năng của Đức Chúa Trời sẽ cứ gìn giữ họ vĩnh viễn trong sự cứu rỗi của Ngài; họ sẽ được vui hưởng phước hạnh đã được Ngài mua chuộc, được gìn giữ trong tay Ngài, được chép tên trong Sách Sự Sống của Ngài cho đến đời đời.

[a] Gi. 10:28, 29; Php. 1:6; 2Ti. 2:19; 1Gi. 2:19

[b] Thi. 89:31, 32; 1Cô. 11:32

[c] Mal. 3:6

2. Sự kiên bảo đức tin này cho các thánh đồ không phụ thuộc vào ý chí tự do của họ mà phụ thuộc vào tính bất khả biến động của ^[d] sự định mạng của Đức Chúa Trời về những kẻ được chọn trong Nguyên Chỉ của Ngài là sự định mạng khởi xuất từ tình yêu bất biến của Đức Chúa Cha, thể theo công nghiệp cứu rỗi, cầu thay, và ^[e] hiệp nhất của Đức Chúa Jêsus Christ, thể theo ^[f] sự quyết chí đời đời của Đức Chúa Trời, thể theo Đức Thánh Linh ở cùng trong thân thể và đời sống của họ, thể theo ^[g] hột giống của Đức Chúa Trời đã được gieo trong họ, và thể theo bản chất của ^[h] giao ước ân điển của Đức Chúa Trời; tất cả những sự ấy đem lại sự bất bại và sự xác tín về sự kiên bảo đức tin cho các thánh đồ.

[d] Rô. 8:30; 9:11, 16

[e] Rô. 5:9, 10; Gi. 14:19

[f] Hê. 6:17, 18

[g] 1Gi. 3:9

[h] Giê. 32:40

3. Dầu rằng có những lúc các thánh đồ bị sa vào chước cám dỗ của Satan, sự kiêu ngạo của đời, sự mê tham của xác thịt còn sót lại trong đời sống họ, hoặc vì họ không chịu vận dụng các sự dự ứng của Đức Chúa Trời cho sự kiên bảo đức tin cho họ khiến họ có thể phạm ^[i] những tội lỗi đáng buồn; sự thật là hễ khi nào họ phạm tội thì họ mắc phải ^[k] sự bất bình của Đức Chúa Trời, sự bất hỉ của Đức Thánh Linh của Ngài, và khiến cho ^[l] sự dạy dỗ và ân điển của Đức Chúa Trời trở nên thiếu sức mạnh đối với họ thì lòng họ trở nên chai cứng, lương tâm họ trở nên méo mó, ^[m] họ làm tổn thương người khác và trở thành sự chướng ngại cho người khác nên chi ^[n] họ phải chịu sự sửa phạt có tính chất tình huống của Đức Chúa Trời; thế nhưng họ sẽ được làm mới lại về ^[o] sự ăn năn và vẫn được kiên bảo về đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ cho đến cuối cùng.

[i] Ma. 26:70, 72, 74

[k] Ês. 64:5, 9; Êph. 4:30

[l] Thi. 51:10,12

[m] Thi. 32:3,4

[n] 2Sa. 12:14

[o] Lu. 22:32, 61, 62

Chương Thứ Mười Tám

“Sự Kiên Bảo Cho Ân Điển Và Sự Cứu Rỗi”



1. Các tín hữu lâm thời (là những tín hữu có vẻ như tín hữu) cũng như những người chưa được tái sinh có thể bị ở trong trạng thái tự dối mình, hoặc ở trong một sự giả định theo xác thật, rằng họ được Đức Chúa Trời chuẩn thuận, rằng họ đang được ở trong sự cứu rỗi của Ngài nhưng thật ra ^[a] sự hy vọng ấy của họ sẽ bị tiêu tan trong tương lai; còn những ai thực sự đặt niềm tin của mình trong Đức Chúa Jêsus Christ, thực lòng kính yêu Ngài, dốc sức sống theo Ngài với một lương tâm tốt trong tất cả mọi sự nhưng, trong khi còn sống, ^[b] vẫn còn mơ hồ về địa vị của họ trong ân điển dầu họ vẫn có hy vọng về việc được dự phần vinh hiển của Đức Chúa Trời thì sự hy vọng ấy của họ ^[c] sẽ trở thành hiện thực trong tương lai.

[a] Gióp 8:13,14; Ma. 7:22, 23

[b] 1Gi. 2:3; 3:14, 18, 19, 21, 24; 5:13.

[c] Rô. 5:2, 5

2. Sự đoán quyết này không phải chỉ thuần túy là sự phỏng đoán hay chỉ là điều bán tín, bán nghi dựa theo ^[d] một sự hy vọng bấp bênh mà là một sự kiên bảo bất bại của đức tin vốn được lập trên huyết công nghĩa của Đức Chúa Jêsus Christ như ^[e] đã được khai thị trong Tin Lành; và cũng là ^[f] bằng chứng nội tại cho các ân điển của Đức Chúa Trời đến bởi Đức Thánh Linh mà nhờ đó mà các lời hứa của Ngài đã được đưa ra, ^[g] sự nhận làm con của Ngài đã được chứng thực trong tấm lòng của chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời; và từ đó mà biến tấm lòng của chúng ta thành ra tấm lòng ^[h] khiêm nhường và thánh khiết.

[d] Hê. 6:11, 19

[e] Hê. 6:17, 18

[f] 2Phi. 1:4, 5, 10, 11

[g] Rô. 8:15, 16

[h] 1Gi. 3:1, 2, 3

3. Dầu sự kiên bảo bất bại này không lộ ra theo đức tin ngay lập tức mà một tín hữu thật rất có thể phải cần có thời gian để xác tín tức là họ có thể phải đối đầu với nhiều khó khăn trước khi ^[i] có được sự xác tín về sự kiên bảo bất bại cho sự cứu rỗi của họ nhưng sự xác tín ấy vẫn cứ phải được kích hoạt bởi chính Đức Thánh Linh mà không cần phải có bất cứ một sự khai thị bất thường nào cả để họ có thể thông biết về những sự mà họ đã được Đức Chúa Trời ban cho qua

việc họ vận dụng ^[k] các ơn ích của ân điển mà họ được hưởng; chính vì vậy mà phận sự của mỗi tín hữu là phải chuyên chú để chắc được rằng sự kêu gọi, chọn lựa của Đức Chúa Trời đối với họ là có thật để rồi tấm lòng của họ được nở rộ ra niềm vui trong Đức Thánh Linh, tình yêu và lòng tri ân đối với Đức Chúa Trời, và có được sức mạnh cùng với sự ham thích sống mọi phận sự thuận phục Đức Chúa Trời để rồi chính niềm ham thích ấy sẽ là ^[l] bông trái của sự kiên bảo cho sự cứu rỗi của họ - và đây là những phận sự mà các tín hữu ^[m] vốn vẫn thường hay lỏng lẻo.

[i] Ês. 50:10; Thi. 88; 77:1-12

[k] 1Gi. 4:13; Hê. 6:11,12

[l] Rô. 5:1, 2, 5; 14:17; Thi. 119:32

[m] Rô. 6:1, 2; Tít 2:11, 12, 14

4. Các tín hữu thật vẫn có thể có được sự kiên bảo cho sự cứu rỗi của họ dầu rằng đời sống đức tin của họ phải trải qua những chặng đường quanh co, khúc khuỷu mà có lúc bị teo tóp, bị mờ nhạt do ^[n] lơ đãng đối với việc duy trì nó hoặc do áp lực của ^[o] các sự cám dỗ say đắm mà ^[p] rơi vào những tội lỗi nhất định nào đó khiến lương tâm bị thương tổn, khiến làm buồn Đức Thánh Linh; dầu họ cảm biết được sự bất bình của Đức Chúa Trời đối với họ, và dầu họ phải sống ^[q] dưới sự sợ hãi khi bước đi cách tối tăm trong tội lỗi như thế nhưng họ sẽ không bao giờ thiếu ^[r] hột giống của Đức Chúa Trời trong lòng họ và trong ^[s] đời sống đức tin của họ mà nhờ đó họ vẫn cứ kính yêu Đức Chúa Jêsus Christ cùng các đồng đạo của họ cách chân thành cũng như vẫn còn có lương tâm đối với phận sự Cơ Đốc của họ; Đức Thánh Linh sẽ vận hành qua tất cả những sự này để rồi sự kiên bảo cho sự cứu rỗi của họ đến kỳ sẽ ^[t] được hồi sinh và nhờ đó mà họ ^[u] tránh khỏi được sự suy tàn hoàn toàn về cơ nghiệp cứu rỗi.

[n] Nhã. 5:2, 3, 6

[o] Thi. 116:11; 77:7, 8; 31:22

[p] Thi. 51:8, 12, 14

[q] Thi. 30:7

[r] 1Gi. 3:9

[s] Lu. 22:32

[t] Thi. 42:5,11

[u] Ca. 3:26-31

Chương Thứ Mười Chín

“Luật Pháp Của Đức Chúa Trời”



1. Đức Chúa Trời đã ban cho Adam luật của Ngài về sự vâng lời phổ quát, ^[a] luật này được tạc vào lòng Adam mà cấm lệnh đầu tiên là việc không được ăn trái của cây biết điều thiện và điều ác và với cấm lệnh này Ngài đã giới hạn Adam cũng cả dòng dõi Adam một cách cá nhân ^[b] một mệnh lệnh vâng phục hoàn toàn, chính xác và vĩnh viễn; Ngài đã hứa về sự sống cho việc vâng phục cấm lệnh này và ^[c] lấy sự chết làm hình thức đoán phạt cho sự vi phạm cấm lệnh này và Ngài cũng đã ban cho Adam năng lực để tuân theo cấm lệnh này.

[a] Sáng. 1:27; Truyền. 7:29

[b] Rô. 10:5

[c] Gal. 3:10, 12

2. Sau cuộc sa bại của nguyên tổ vì nguyên tội thì luật tạc vào lòng Adam ^[d] được tiếp tục được triển khai thành luật hoàn chỉnh cho sự công nghĩa và đã được ban hành bởi Đức Chúa Trời trên núi Sinai ^[e] dưới hình thức Mười Điều Răn vốn được chép trên hai bảng đá mà bốn điều răn đầu tiên là về phận sự của chúng ta đối với Đức Chúa Trời còn sáu điều răn tiếp theo qui định về phận sự giữa người với người.

[d] Rô. 2:14, 15

[e] Phục. 10:4

3. Cùng với các luật này, vốn thường được kể như là luật đạo đức, Đức Chúa Trời đã đẹp ý ban cho dân Ysraên của Ngài luật nghi thức bao gồm các qui điều mà một phần của các qui điều ấy qui định về sự thờ phượng là sự ^[f] giúp miêu tả trước về Đức Chúa Jêsus Christ, về ân điển của Ngài, về hoạt động của Ngài, về sự chịu khổ của Ngài, và về các lợi ích mà Ngài đem lại cho Dân Ngài; một phần khác của các qui điều ấy hướng dẫn cách đa dạng về ^[g] các phận sự đạo đức; tất cả các luật nghi thức đều tập chú vào kỳ khôi phục của Đức Chúa Jêsus là Đấng Cứu Thế, là Đấng ban luật duy nhất, Đấng mà với quyền năng từ nơi Đức Chúa Cha ^[h] đã hoàn thành luật pháp của Đức Chúa Trời.

[f] Hê. 10:1; Côl. 2:17

[g] 1Cô. 5:7

[h] Côl. 2:14, 16, 17; Êph. 2:14, 16

4. Đức Chúa Trời cũng đã ban các luật mang tính tình huống là những luật đã hiệu lực cùng với sự đáp ứng, đổi thay của các yếu tố liên quan và hiện nay không còn hiệu lực áp dụng nữa vì tình huống mà luật đề cập đã qua, ^[i] tính công lý của luật tình huống phụ thuộc vào tình huống mà luật đề cập.

[i] 1Cô. 9:8, 9, 10

5. Luật đạo đức có giá trị công lý vĩnh viễn chứ không phải chỉ có hiệu lực cục bộ chỉ trên vấn đề nguyên thủy; luật ràng buộc ^[k] trên tất cả mọi người, đã được cứu cũng như chưa được cứu; luật mang ^[l] tính thẩm quyền của Đức Chúa Trời là Đấng Sáng Tạo, là Đấng đã ban hành luật; cả Đức Chúa Jêsus Christ lẫn Tin Lành của Ngài đều không có tính giải trừ đối với luật đạo đức của Đức Chúa Trời mà, trái lại, ^[m] còn gia tăng tính ràng buộc của luật mạnh hơn.

[k] Rô. 13:8, 9, 10; Gia. 2:8, 10, 11, 12

[l] Gia. 2:10, 11

[m] Ma. 5:17, 18, 19; Rô. 3:31

6. Dầu rằng các tín hữu thật không còn ở dưới sự ràng buộc của luật pháp, vốn là giao ước theo việc làm, ^[n] để được xưng công bình hoặc để bị đoán phạt nhưng luật pháp của Đức Chúa Trời vẫn còn có một phạm vi vận dụng quan trọng cho họ vì chính luật pháp của Đức Chúa Trời giúp cho họ nhận ra được ý chỉ của Ngài trong các vấn đề liên quan để từ đó họ có thể tự suy ra phạt sự cho mình đối với Ngài, để giúp họ sống theo ý chỉ của Ngài, để giúp họ ^[o] khám phá ra tính chất đã bị ô nhiễm bởi tội lỗi của bản chất người của mình, của tâm lòng và đời sống của mình, khiến cho họ tiến xa hơn trong những sự đã được chứng giải, thấy được sự đầy dẫy của tội lỗi, trở nên biết ghét tội lỗi; họ cũng sẽ có được một sự nhìn nhận tỏ tường hơn về nhu cần về Đức Chúa Jêsus Christ, về sự hoàn hảo của sự vâng phục của Ngài. Sự hiểu biết về luật pháp của Đức Chúa Trời như thế sẽ có ích cho sự tái sinh, cho việc cầm hãm các sự hư hoại trong đời sống, và cho việc cự tuyệt đối với tội lỗi; sự đoán phạt của luật pháp của Đức Chúa Trời chỉ cho họ thấy đúng ra họ đáng phải như thế nào mới xứng với tội của họ, và đúng ra họ phải chịu đau khổ đến như thế nào mới phải cho dầu họ đã được được giải thoát tính nghiêm minh bất biến của luật. Tương tự như vậy, các lời hứa trong luật pháp của Đức Chúa Trời giúp cho họ thấy được sự chuẩn thuận của Đức Chúa Trời đối với sự vâng lời là như thế nào, và giúp cho họ thấy được là họ sẽ được Đức Chúa Trời thưởng như thế nào khi họ vâng lời Ngài; tất cả những điều này cho thấy được rằng dầu các tín hữu thật không còn ở dưới luật pháp nhưng họ phải được luật pháp của Đức Chúa Trời khuyến khích họ làm điều lành, lánh điều dữ; và như

vậy thì không có nghĩa là họ vẫn còn đang ^[p] ở dưới luật pháp chứ không ở dưới ân điển.

[n] Rô. 6:14; Gal. 2:16; Rô. 8:1; 10:4

[o] Rô. 3:20; 7:7-25

[p] Rô. 6:12, 13, 14; 1Phi. 3:8-13

7. Cũng không phải sự vận dụng luật như đã nói ^[q] trái với nguyên lý ân điển của Tin Lành mà là thuận với nguyên lý ân điển của Tin Lành một cách mượt mà; Đức Thánh Linh của Đức Chúa Jêsus Christ chinh phục và ^[r] ban quyền năng trên ý chí của con người để họ vận dụng luật pháp của Đức Chúa Trời, là ý chỉ của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra trong luật pháp và đòi hỏi phải thi hành, cách tự nguyện và vui thỏa theo như ý chỉ của Đức Chúa Trời vốn đã được bày tỏ trong Lời Kinh Thánh.

[q] Gal. 3:21

[r] Êx. 36:27

Chương Thứ Hai Mươi

“Tin Lành Và Phạm Vi Của Ân Điển”



1. Giao ước theo việc làm đã bị phá vỡ bởi tội lỗi, trở nên vô dụng đối với sự sống, và Đức Chúa Trời đã đẹp ý ban cho lời hứa về Đức Chúa Jêsus Christ là ^[a] Người Dồng Dối của người nữ làm giải pháp cho kẻ được chọn của Ngài làm khởi sinh trong họ đức tin và sự ăn năn; cùng với lời hứa này là ^[b] Tin Lành mà thể theo bản chất thì do sự khải thị của Đức Chúa Trời mà có để đem lại sự biến cải niềm tin và sự cứu rỗi cho tội nhân.

[a] Sáng. 3:15

[b] Khải. 13:8

2. Lời hứa về Đức Chúa Jêsus Christ của Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi của Ngài trong và qua Đức Chúa Jêsus Christ chỉ được khải thị trong ^[c] duy nhất Kinh Thánh mà thôi; công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời, sự dự ứng của Đức Chúa Trời, sự khải thị tự nhiên, ... không có khả năng ^[d] giúp tìm ra Đức Chúa Jêsus Christ, hoặc ân điển của Ngài ở bất cứ mức độ nào cả mà con người nhất thiết phải cần đến sự khải thị của Đức Chúa Trời, tức Tin Lành và ^[e] cần được kích hoạt trong lòng để đến với đức tin cứu rỗi, tức có được sự ăn năn.

[c] Rô. 1:17

[d] Rô. 10:14, 15, 17

[e] Châm. 29:18; Isa 25:7; 60:2, 3

3. Sự khải thị về Tin Lành dành cho tội nhân được thực hiện qua các thời điểm khác nhau với nhiều phần khác nhau, cùng với các lời hứa và huấn mệnh phụ bổ cho sự vâng lời Tin Lành như là về vấn đề nước nào, người nào, khi nào, ... và tất cả những sự ấy đều thuộc về ^[f] ý chỉ tối cao và hảo ý của Đức Chúa Trời mà không hề bị ràng buộc bởi bất cứ điều gì hay lời hứa nào cho bất cứ ai vì theo năng lực tự nhiên của con người, cho dầu được cải thiện đến mức nào cũng vậy, nếu thiếu sự mở lòng của Đức Chúa Trời thì cũng ^[g] không thể nào họ được cảm thúc theo Tin Lành: Chính vì vậy mà trải qua các thời đại thì qui mô của việc giảng Tin Lành cho người nào, nước nào, ... hoặc ngay cả việc chấn chỉnh Tin Lành cho ai, ở đâu, ... đều mang tính đa dạng và phong phú thể theo sự định mạng của Đức Chúa Trời cả.

[f] Thi. 147: 20; Công. 16:7

[g] Rô. 1:18-32

4. Dầu rằng Tin Lành vốn là một là công việc bên ngoài để bày tỏ Đức Chúa Jêsus Christ, bày tỏ ân điển cứu rỗi là đầy đủ để người chưa được cứu vốn đang chết trong lầm lỗi và tội ác mình được tái sinh nhưng vẫn không thể thiếu một công việc hiệu quả vô song nữa của ^[h] Đức Thánh Linh cho con người bề trong, trên tấm lòng, trong tâm hồn của người được nghe Tin Lành để sản sinh ra trong họ một đời sống thuộc linh mới mà nếu không có được công việc ấy của Đức Thánh Linh thì mọi công việc khác cũng sẽ đều vô năng ^[i] trong việc giúp cho người ta quay trở lại với Đức Chúa Trời.

[h] Thi. 110:3; 1Cô. 2:14; Êph. 1:19, 20

[i] Gi. 6:44; 2Cô. 4:4, 6

Chương Thứ Hai Mươi Một

“Sự Tự Do Cơ Đốc Và Sự Tự Do Của Lương Tâm”



- 1 Sự tự do mà Đức Chúa Jêsus Christ đã mua chuộc cho các tín hữu bao gồm sự tự do đối với nợ tội, đối với sự định tội bởi con thịnh nộ của Đức Chúa Trời, đối với ^[a] sự khắc khe và hình án của luật pháp, đối với ^[b] đời ác này, đối với sự nô lệ dưới ách của ^[c] Satan, đối với sự cầm buộc của ^[d] tội lỗi, ^[e] đối với sự chịu khổ, đối với sự sợ hãi, đối với cái nọc của ^[f] sự chết, đối với mồ mả, và đối với ^[g] sự định tội đời đời, cũng như đối với ^[h] sự đến gần Đức Chúa Trời của các tín hữu bằng việc vâng phục Ngài không phải vì sợ mà vì lòng kính ^[i] yêu đơn sơ, vì ý chí mong muốn.

Về ^[k] bản chất, tất cả những điều ấy đã có cho các tín hữu ở dưới luật pháp nhưng theo nguyên lý ân điển dưới thời Tân Ước sự tự do của các tín hữu rộng rãi hơn là sự tự do dưới ách của sự ràng buộc về các qui định hiến tế mà người Do Thái đã từng trải qua, họ có được sự dạn dĩ trong việc đến gần ngôi thi ân của Đức Chúa Trời, họ có được sự giao thông ^[l] tự do và đầy đủ hơn đối với Thánh Linh của Đức Chúa Trời hơn là các tín hữu dưới thời Cựu Ước đã từng được dự phần.

- [a] Gal. 3:13
[b] Gal. 1:4
[c] Công. 26:18
[d] Rô. 8:3
[e] Rô. 8:28
[f] 1Cô. 15:54, 55, 56, 57
[g] 2Tê. 1:10
[h] Rô. 8:15
[i] Lu. 1:73, 74, 75; 1Gi. 4:18
[k] Gal.3:9, 14
[l] Gi. 7:38, 39; Hê. 10:19, 20, 21

2. Lương tâm theo Kinh Thánh là lương tâm thuộc về ^[m] duy nhất Đức Chúa Trời, chính Đức Chúa Trời đã ban lương tâm cho con người cách độc lập đối với mọi điều răn và sự dạy dỗ của thế gian cho nên lương tâm chân thật ^[n] không bao giờ có bất cứ điều gì nghịch lại hay không hợp với Lời Ngài trong Kinh Thánh. Vì vậy cho nên tin các giáo lý hay điều răn không phù hợp với lương tâm nguyên thủy là ^[o] phản lại sự tự do của lương tâm; và việc khiến ^[p] phụ thuộc một thứ niềm tin ngấm ngấm, một sự vâng lời mù quáng nào đó đối với thế gian là đồng nghĩa với việc hủy hoại lương tâm cũng như năng lực lý trí của con người.

- [m] Gia. 4:12; Rô. 14:4

[n] Công. 4:29; 5:29; 1Cô. 7:23; Ma. 15:9
[o] Côl. 2:20, 22, 23
[p] 1Cô. 3:5; 2Cô. 1:24

3. Những ai cho rằng vì có sự tự do Cơ Đốc mà họ có thể phạm những tội nhất định nào đó hay có những sự tham dục nào đấy thì sẽ bởi chủ trương ấy mà bóp méo thiết định nguyên thủy của ân điển của Tin Lành mà ^[q] tự chuốc lấy sự hư mất cho riêng họ vì họ đã hủy hoại ^[r] hoàn toàn sự tự do Cơ Đốc là sự tự do có được nhờ lẽ thật là tín hữu đã được thoát khỏi tay các kẻ thù thuộc linh để hầu việc Cứu Chúa của mình mà không còn phải ở trong sự lo sợ nhờ việc họ chịu sống trong sự thánh khiết và công nghĩa của Ngài suốt cả cuộc đời họ.

[q] Rô. 6:1, 2
[r] Gal. 5:13; 2Phi. 2:18, 21

Chương Thứ Hai Mươi Hai

“Sự Thờ Phụng Tôn Giáo Và Ngày Sa Bát”



1. Sự khai thị tự nhiên mách cho con người về một Đức Chúa Trời của vũ trụ là Đấng nắm quyền làm Chúa và cầm quyền trên tất cả mọi sự, là Đấng tốt và công bằng với tất cả mọi người, và vì vậy mà đáng được tôn kính, yêu thương, chúc tụng, kêu cầu, tin cậy, và hầu việc hết lòng, hết trí, ^[a] hết sức. Thế nhưng cách thờ phụng đẹp ý Đức Chúa Trời ^[b] được chế định bởi chính Ngài, được giới hạn trong phạm vi ý chỉ được khai thị của Ngài để tránh việc Ngài bị thờ phụng theo ý tưởng và phương thức của con người, hoặc theo sự dẫn dụ của Satan thông qua các biểu trưng khả thị của con người, hoặc ^[c] bất cứ cách nào không được Kinh Thánh mô tả và qui định.

[a] Giê. 10:7; Mác 12:33

[b] Phục. 12:32

[c] Xuất. 20:4, 5, 6

2. Sự thờ phụng tôn giáo phải được hướng đến và chỉ được hướng đến ^[d] duy nhất Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Linh mà thôi; sự thờ phụng tôn giáo không được phép nhắm đến bất cứ ^[e] tạo vật nào khác dầu là thiên sứ, thánh đồ, hoặc bất kỳ loài thọ tạo nào; và kể từ sau cuộc sa bại của nguyên tổ vì nguyên tội thì sự thờ phụng tôn giáo không bao giờ được thực hiện mà không thông qua ^[f] phương tiện trung gian nhưng ^[g] chỉ Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng Trung Bảo duy nhất giữa Đức Chúa Trời và con người.

[d] Ma. 4:9, 10; Gi. 4:23; Ma. 28:19

[e] Rô. 1:25; Côl. 2:18; Khải. 19:10

[f] Gi. 14:6

[g] 1Ti. 2:5

3. Sự cầu nguyện cùng với sự tạ ơn cặp theo là một bộ phận đặc biệt trong sự thờ phụng tự nhiên mà Đức Chúa Trời đòi hỏi ^[h] mọi người đều phải có. Dầu vậy, để sự cầu nguyện có thể được nhậm, theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, thì sự cầu nguyện ấy phải được thực hiện trong ^[i] Danh Đức Chúa Con, qua sự trợ giúp ^[k] bởi Đức Thánh Linh thể theo ^[j] ý muốn của Ngài với đầy đủ sự am hiểu, sự tôn kính, sự hạ mình, sự nhiệt thành, đức tin, tình yêu thương, và sự kiên tín; và, khi cầu nguyện với sự hiện diện của nhiều người, phải thông qua ^[m] một loại ngôn ngữ được sử dụng bình thường trong đời sống hàng ngày.

[h] Thi. 95:1-7; Thi. 65:2

- [i] Gi. 14:13, 14
- [k] Rô. 8:26
- [l] 1Gi. 5:14
- [m] 1Cô. 14:16,17

4. Sự cầu nguyện phải được thực hiện cách hợp lễ và chỉ cho người còn sống mà thôi ^[n] hoặc cho người sẽ sống ^[o] chứ không thể là cho người đã chết, cũng không phải cho những người đã được biết hoặc có thể sẽ được biết là ^[p] đã phạm phải tội đáng chết đối với Đức Chúa Trời.

- [n] 1Ti. 2:1, 2; 2Sa. 7:29
- [o] 2Sa. 12:21, 22, 23
- [p] 1Gi. 5:16

5. Việc ^[q] đọc, giảng, và ^[r] nghe Lời Kinh Thánh, việc dạy dỗ và khuyên bảo lẫn nhau bằng Thi Thiên, Thánh Ca, và Ca Khúc Thuộc Linh qua việc hát với cả tâm lòng để dâng lên cho ^[s] Chúa; việc tuân hành ^[t] Lễ Báp-têm, ^[u] Lễ Tiệc Thánh cũng là những bộ phận trong sự thờ phượng tôn giáo phải được vâng lời mà thực hiện cho Đức Chúa Trời trong sự am hiểu, đức tin, sự tôn kính, sự tín kính, và cần phải có sự hạ mình cách nghiêm túc nữa; sự thờ phượng có thể được cập theo bằng ^[x] sự kiêng ăn và sự tạ ơn ^[y] trong những dịp nhất định nhưng những sự ấy luôn luôn cần phải được thực hiện một cách thánh khiết.

- [q] 1Ti. 4:13
- [r] 2Ti. 4:2; Lu. 8:18
- [s] Côi. 3:16; Êph. 5:19
- [t] Ma. 28:19, 20
- [u] 1Cô. 11:26
- [x] Êx. 4:16; Giôên 2:12
- [y] Xuất. 15; Thi. 107

6. Trong Tin Lành của định kỳ ân điển hiện nay, không có bất cứ bộ phận thờ phượng nào, kể cả sự cầu nguyện, là mang tính quyết định đối với Tin Lành, hay là có tác dụng giúp cho sự thờ phượng trở nên đáng được chấp nhận hơn bất kể là bộ phận ấy ^[z] được thực hiện ở đâu hay theo bất cứ cách nào; mà yếu tố trọng yếu nhất trong sự thờ phượng là việc thờ phượng theo tâm thần và lễ thật; mỗi khi có cơ hội thờ phượng theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, ^[a] bất kể là trong sự lễ bái ở gia đình ^[b] hàng ngày, hay ^[c] trong chỗ riêng tư của cá nhân, nhưng nhất là trong các cuộc thờ phượng chung giữa nhiều người với nhau, không bao giờ được ^[d] bất cẩn hay xem thường để rồi quên lãng hay đánh mất đối tượng thờ phượng là chính Đức Chúa Trời và chỉ một mình Đức Chúa Trời mà thôi.

- [z] Gi. 4:21; Mal. 1:11; 1Ti. 2:8
- [a] Công. 10:2
- [b] Ma. 6:11; Thi. 55:17
- [c] Ma. 6:6
- [d] Hê. 10:25; Công. 2:42

7. Theo lẽ thường người ta vẫn hay biệt riêng ra một thời điểm để thờ phượng Đức Chúa Trời, và Lời Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh của Ngài cũng truyền cho tất cả mọi người, mọi lứa tuổi, sống trong mọi thời đại, không bao giờ được thôi bỏ một mệnh lệnh đạo đức tích cực về việc phải thờ phượng Ngài mà qui định cụ thể của Ngài là qui định về ^[e] ngày Sa Bát là ngày để tương giao với Ngài cách đặc biệt, là ngày mà Đức Chúa Trời đã thiết định từ buổi đầu sáng thế, mà cho đến kỳ phục sinh của Đức Chúa Jêsus Christ là ngày cuối cùng của một tuần lễ và rồi từ đó đã được đổi thành ngày đầu của một tuần lễ ^[f] gọi là Ngày Của Chúa, tức Chúa Nhật, tức ngày Sa Bát của Cơ Đốc Giáo, và kể từ đó việc giữ ngày cuối cùng của mỗi tuần lễ để thờ phượng Đức Chúa Trời đã được thay thế.

- [e] Xuất. 20:8
- [f] 1Cô. 16:1, 2; Công. 20:7; Khải. 1:10

8. Kể từ khi được thiết lập thì ngày Sa Bát là ngày mà mọi người phải chuẩn bị tâm lòng mình cũng như phải thu xếp trước công việc của mình để có thể không những dành ^[g] trọn cả ngày biệt riêng ra thánh, giữ không làm bất cứ việc thế tục nào hay tiêu khiển trở thế tục gì cả, gìn giữ cả tư tưởng và lời nói, mà lại còn phải dành trọn thời gian cả ngày cho việc thờ phượng Đức Chúa Trời và các phận sự tôn giáo cần thiết, ^[h] hay các việc phước thiện cần thiết.

- [g] Ês. 58:13; Nê. 13:15, 22
- [h] Ma. 12:1-13

Chương Thứ Hai Mươi Ba

“Việc Hát Thánh Ca Trong Cuộc Thờ Phụng Chung Với Nhau”



1. Chúng tôi tin rằng việc ^[a] hát chúc tụng Đức Chúa Trời là một qui điều thánh của Đức Chúa Jêsus Christ ban cho chúng ta chứ không phải là một bộ phận vốn có của sự thờ phụng tôn giáo, hay chỉ thuần túy là một phần sự đạo đức, và vì việc hát chúc tụng Đức Chúa Trời là sự chế định Thiên Thượng cho nên giữa vòng Hội Thánh của Đức Chúa Trời ^[b] phải có một sự vui thích đọc Thi Thiên, hát Thánh Ca, cũng như các Ca Khúc Thuộc Linh để chúc tụng Đức Chúa Trời; và chúng tôi cũng tin rằng trong sự nhóm nhau lại (cũng như trong sinh hoạt Cơ Đốc riêng tư) phải có việc chúc tụng Đức Chúa Trời bằng Thi Thiên, Thánh Ca, và Ca Khúc Thuộc Linh sao cho gây dựng được tốt nhất đức tin của mỗi người. Ngoài ra, việc hát chúc tụng Đức Chúa Trời đã được ^[c] chính Đức Chúa Jêsus Christ và các môn đồ của làm mẫu mực cho Hội Thánh ngay sau khi Ngài ban qui điều về Lễ Tiệc Thánh là một nghi thức để tưởng nhớ tình yêu cứu chuộc của Ngài.

[a] Công. 16:25; Êph. 5:19; Côi. 3:16

[b] Hê. 2:12; Gia. 5:13

[c] Ma. 26:30; Mác 14:26

Chương Thứ Hai Mươi Bốn “Việc Tuyên Thệ Hợp Pháp”



1. Một lời tuyên thệ hợp pháp (là lời thề được Kinh Thánh cho phép) là một bộ phận của sự thờ phượng tôn giáo ^[a] là lời mà một người thề theo sự thật, sự công chính, và sự cân nhắc cẩn thận nhằm cầu xin Đức Chúa Trời chứng chiếu cho những gì mình thề và ^[b] xin Ngài xử đoán mình theo tính chân thực hay sự giả trá của lời thề.

[a] Xuất. 20:7; Phục. 10:20; Giê. 4:2

[b] 2Sử. 6:22, 23

2. Danh Đức Chúa Trời là điều duy nhất mà người ta có thể cậy đến để thề và phải được thề với tất cả sự cung kính, tôn trọng cho nên khi cậy Thánh Danh của Đức Chúa Trời để thề thốt tùy tiện, hoặc cậy bất cứ sự chi khác để thề là có tội và cần phải được ^[c] lên án mạnh mẽ; tuy nhiên, vì tính nghiêm trọng hoặc khẩn cấp của những vấn đề nào đó trong thực tế, và để ^[d] kết thúc sự bất hòa nguy hiểm và không cần thiết, thì lời tuyên thệ hợp pháp được Lời Kinh Thánh cho phép; vì vậy nhiều khi các sự tuyên thệ hợp pháp có thể được ^[e] các thẩm quyền hợp pháp đòi hỏi để giải quyết các vấn đề có cần nào đó.

[c] Ma. 5:34, 37; Gia. 5:12

[d] Hê. 6:16; 2Cô. 1:23

[e] Nê. 13:25

3. Khi một người phải thực hiện một lời tuyên thệ hợp pháp là điều được Lời Kinh Thánh cho phép thì người ấy phải cân nhắc về tính hệ trọng và nghiêm túc của sự tuyên thệ trước để rồi chỉ nói chắc về những gì mình biết chắc là có thật; vì vậy cho nên những lời thề hấp tấp, giả dối, và rỗng tuếch sẽ chuốc lấy ^[f] cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời mà bởi đó cả xứ cũng sẽ chẳng được yên.

[f] Lê. 19:12; Giê. 23:10

4. Một lời tuyên thệ hợp pháp phải có ^[g] nghĩa tường minh theo tự nghĩa của lời được nói ra chứ không được phép nói lấp lửng hay nói với thái độ do dự.

[g] Thi. 24:4

5. Lời nguyện là lời mà không có bất cứ một tạo vật nào được phép thực hiện cả mà chỉ duy nhất Đức Chúa Trời là có thẩm quyền ban ra lời nguyện và lời nguyện ^[h] được lập lên và làm cho xảy ra với tất cả sự cân nhắc và thành tín tôn giáo: Vì vậy mà lời nguyện cho giáo hoàng chế rằng sẽ ^[i] mãi mãi sống đời độc thân và ^[k] cơ cần với một đức vâng phục thường xuyên là lời nguyện của con người chứ không có tính thẩm quyền Thiên Thượng cho nên một lời nguyện như vậy là ^[l] có tội và chỉ là cạm bẫy của sự mê tín mà không nên có bất cứ Cơ Đốc Nhân nào mắc vào.

[h] Thi. 76:11; Sáng. 28:20, 21, 22

[i] 1Cô. 7:2, 9

[k] Êph. 4:28

[l] Ma. 19:11

Chương Thứ Hai Mươi Lăm

“Việc Tổ Tụng Dân Sự”



1. Đức Chúa Trời là Chúa tối cao, là Vua của mọi vua trên thế gian đã chế định ^[a] quyền tư pháp dân sự trong xã hội loài người dưới quyền tể trị tối cao của Ngài cho sự vinh hiển của chính Ngài và cho sự an sinh của xã hội và vì mục đích ấy mà Ngài cũng đã cho phép quyền tư pháp dân sự được bảo đảm bằng vũ lực hợp pháp cấp theo để bảo vệ và khích lệ người làm lành, và trừng phạt kẻ làm dữ.

[a] Rô. 13:1, 2, 3, 4

2. Việc Cơ Đốc Nhân, một khi được kêu gọi, đảm nhiệm chức trách tư pháp dân sự trong những vị trí nhất định là một việc hợp pháp; trong việc đảm nhiệm chức trách tư pháp này Cơ Đốc Nhân phải giữ vững ^[b] lẽ công bằng và sự hòa bình thể theo luật pháp hợp hiến của đất nước hay cộng đồng mà mình phục vụ; vì mục đích duy trì an ninh, hòa bình mà các chức dịch tư pháp có thẩm quyền có thể ^[c] tiến hành chiến tranh khi cần thiết một cách hợp hiến và phù hợp theo các nguyên tắc Kinh Thánh Tân Ước.

[b] 2Sa. 23:3; Thi. 82:3, 4

[c] Lu. 3:14

3. Quyền tư pháp dân sự là được thiết định bởi chính Đức Chúa Trời; để thuận theo mục đích Thiên Thượng của quyền tư pháp dân sự chúng ta phải vì Đức Chúa Trời mà thuận phục đầy đủ các đòi hỏi của quyền tư pháp hợp hiến không phải chỉ để khỏi bị trừng phạt mà lại còn ^[d] vì có lương tâm nữa; chúng ta cũng phải cầu nguyện cho mọi cấp của nhà cầm quyền của đất nước từ thấp nhất đến cao nhất hầu cho, ^[e] dưới sự cầm quyền của họ, chúng ta có thể sống đời an sinh và hòa bình trong sự tin kính và lòng chân thành.

[d] Rô. 13:5, 6, 7; 1Phi. 2:17

[e] 1Ti. 2:1, 2

Chương Thứ Hai Mươi Sáu

“Hôn Nhân”



1. Hôn nhân phải là hôn nhân giữa một người nam và một người nữ; ^[a] sẽ là bất hợp pháp nếu một người nam có đồng thời nhiều hơn một người nữ làm vợ, và cũng sẽ là bất hợp pháp nếu có một người nữ có đồng thời nhiều hơn một người nam làm chồng.

[a] Sáng. 2:24; Mal. 2:15; Ma. 19:5, 6

2. Hôn nhân đã được thiết định để tạo ra sự hỗ trợ hỗ tương giữa người ^[b] chồng và người vợ để ^[c] gia tăng cách hợp lẽ dòng giống nhân loại và để ^[d] ngăn chặn các sự quan hệ giới tính ô uế

[b] Sáng. 2:18

[c] Sáng. 1:28

[d] 1Cô. 7:2, 9

3. Việc người ta kết hôn với ^[e] bất cứ người nào họ ưng thuận là một việc hợp pháp; tuy nhiên, phạm sự Cơ Đốc của Cơ Đốc Nhân là phải kết hôn với ^[f] người cùng một đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ; vì thế cho nên hễ nói rằng mình có đức tin cứu rỗi trong Đức Chúa Jêsus Christ thì người ta không được phép kết hôn với người ngoại đạo, hoặc ^[g] người thờ thần tượng; Cơ Đốc Nhân không được phép chịu chung ách với người chẳng tin bằng việc kết hôn với những người như thế kéo e sẽ bị sa lầy vào con đường theo tà giáo.

[e] Hê. 13:4. 1Ti. 4:3

[f] 1Cô. 7:39.

[g] Nê. 13:25, 26, 27

4. Lời Kinh Thánh của Đức Chúa Trời nghiêm cấm việc hôn nhân giữa những người cùng chung huyết thống với bản thân ^[h] hoặc với người hôn phối; cũng không được phép loạn luân cho dầu có sự ưng thuận của các cá nhân liên quan hay sự cho phép của luật pháp xứ sở tại ^[i] hầu cho người sống trong giao ước hôn phối được thực sự là chồng, là vợ của nhau.

[h] Lê. 18

[i] Mác 6:18; 1Cô. 5:1

Chương Thứ Hai Mươi Bảy

“Hội Thánh”



1. Hội Thánh Phổ Thông (là kết quả của công việc bề trong của Đức Thánh Linh và lẽ thật của ân điển) cũng còn có thể gọi là Hội Thánh Vô Hình là ^[a] tập hợp của tất cả những kẻ được chọn của Đức Chúa Trời ở tất cả mọi nơi trong tất cả các thời đại dưới duy nhất một Nguyên Thủ là Đức Chúa Jêsus Christ; tập hợp những người được chọn này của Đức Chúa Trời được kể như chỉ là một thực thể, là Cô Dâu của Đức Chúa Jêsus Christ, là thể hiện của sự hoàn hảo của chính Ngài về tất cả mọi phương diện.

[a] Hê. 12:23; Côl. 1:18; Êph. 1:10, 22, 23; 5:23, 27, 32

2. Tất cả mọi người đã xưng nhận đức tin theo Tin Lành và chịu vâng lời Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jêsus Christ trên cả thế gian cho dầu có phạm lỗi lầm hay các sự vi phạm về đức thánh khiết trong cuộc sống ^[b] là các thánh đồ hữu hình hoặc có thể là các thánh đồ hữu hình trong các hội chúng hữu hình ^[c] để từ đó mà có Hội Thánh Vô Hình.

[b] 1Cô. 1:2; Công. 11:26

[c] Rô. 1:7; Êph. 1:20, 21, 22

3. Trên thế gian này, Hội Thánh nào dầu có tinh khiết nhất cũng đều được hợp thành ^[d] theo thể pha trộn mà trong đó nhất định vẫn có khiếm khuyết, và cũng có cả những Hội Thánh bị thoái hóa đến mức ^[e] không còn là Hội Thánh của Đức Chúa Jêsus Christ nữa mà là hội quí Satan; Tuy nhiên Đức Chúa Jêsus Christ luôn có, và vẫn cứ sẽ có, ^[f] Vương Quốc của Ngài trên thế gian này là Vương Quốc hợp thành bởi những người tin theo Ngài, tuyên xưng niềm tin của họ theo Danh Ngài.

[d] 1Cô. 5; Khải. 2; 3

[e] Khải. 18:2; 2Tê. 2:11, 12

[f] Ma. 16:18; Thi. 72:17; 102:28; Khải. 12:17

4. Đức Chúa Jêsus Christ là Nguyên Thủ của Hội Thánh là Đấng đã được Đức Chúa Cha phong lập với ^[g] tất cả quyền năng để kêu gọi, để thiết định, để ban huấn mệnh, để điều khiển Hội Thánh theo một cách thể uy nghiêm và tối cao mà Giáo Hoàng của Giáo Hội Công Giáo La Mã không thể nào có được, nhưng đến kỳ thì ^[h] Kẻ Đối Địch là con của sự hư mất đời đời sẽ tự xưng trong

Hội Thánh là “Đấng Christ” để nghịch lại Đấng Christ của Đức Chúa Trời; Kẻ Đối Địch sẽ bị chính Đức Chúa Jêsus Christ hủy diệt bằng chính sự sáng Ngài khi Ngài tái lâm.

[g] Côi. 1:18; Ma. 28:19, 12, 18-20; Êph. 4:11,12
[h] 2Tê. 2:2-9

5. Để thi hành quyền năng mà Ngài đã được ủy thác Đức Chúa Jêsus kêu gọi ra khỏi thế gian những người dành cho Ngài thông qua các mục vụ của Lời Ngài bởi Đức Thánh Linh; họ là những người đã được Đức Chúa Cha ban cho Đức Chúa Jêsus Christ để họ sống theo Ngài bằng việc vâng lời về mọi sự là những sự mà Ngài đã chỉ định trong Kinh Thánh là Lời của Ngài. Những người đã được gọi này được Ngài truyền phải sống với nhau trong những cộng đoàn ở các địa phương gọi là các Hội Thánh Địa Phương để họ được thờ phượng Đức Chúa Trời với nhau và tự gây dựng lẫn nhau theo ý chỉ mà Ngài dành cho họ trong đời này.

[i] Gi. 10:16; 12:32
[k] Ma. 28:20
[l] Ma. 18:15,15-20

6. Thành viên của các Hội Thánh Địa Phương là ^[m] các thánh đồ hữu hình, là những người bày tỏ và làm bằng chứng cách hữu hình về sự xưng nhận Ngài và vâng lời Ngài; họ tự nguyện sinh hoạt chung với nhau thể theo sự chỉ định của Đức Chúa Jêsus Christ; họ dâng mình cho Đức Chúa Jêsus Christ và cho nhau theo ý chỉ của Đức Chúa Trời ^[n] bằng một sự vâng phục theo các huấn mệnh của Tin Lành.

[m] Rô. 1:7; 1Cô. 1:2
[n] Công. 2:41, 42; 5:13, 14; 2Cô. 9:13

7. Mỗi Hội Thánh Địa Phương này đều đã được hiệp lại với nhau theo qui định của Đức Chúa Trời để họ rao ra Lời của Ngài trong Kinh Thánh với đầy đủ ^[o] quyền năng và thẩm quyền có cần cho mọi sự liên quan để họ cũng còn thực hiện việc thờ phượng và việc môn đồ hóa mà Ngài đã thiết định cho họ làm theo thể theo các huấn mệnh và qui tắc về việc họ phải hành quyền mà Ngài đã ban cho họ như thế nào.

[o] Ma. 18:17, 18; 1Cô. 5:4, 5, 13; 2Cô. 2:6, 7, 8

8. Mỗi Hội Thánh Địa Phương nhóm lại với nhau và được thành lập theo qui định của Đức Chúa Trời phải gồm có các chức viên Hội Thánh và các thành viên khác nữa của Hội Thánh; các chức viên của Hội Thánh được chỉ định theo sự dắt dẫn của Đức Chúa Jêsus Christ được Hội Thánh đề riêng ra cho những chức dịch cụ thể và sự hành quyền hay phận sự cụ thể mà Ngài đã vĩnh viễn chế định cho Hội Thánh Địa Phương là các ^[p] Giám Mục, tức Trưởng Lão, hay còn gọi là Mục Sư, và các Chấp Sự.

^[p] Công. 20:17, 28; Php. 1:1

9. Cách thức đã định cho những người được kêu gọi vào các chức dịch trong Hội Thánh Địa Phương đối với những người được ban ân tứ phù hợp cho các chức dịch ấy bởi Đức Thánh Linh là Giám Mục, hay Trưởng Lão, hay Mục Sư ấy là ^[q] họ được chọn bởi toàn thể hội chúng thông qua biểu quyết rồi họ sẽ được biệt riêng ra cho chức dịch cách trọng thể bằng sự kiêng ăn và cầu nguyện cùng với sự đặt tay để phong bỏ của ^[r] mục sư đoàn của Hội Thánh nếu có; đối với các Chấp Sự cũng vậy, ^[s] họ cũng phải được biểu quyết bởi hội chúng, được biệt riêng ra cho chức dịch bằng sự cầu nguyện cùng với sự đặt tay để phong bỏ của mục sư đoàn của Hội Thánh nếu có.

^[q] Công. 14:23 (Xem trong nguyên ngữ Hy Lạp)

^[r] 1Ti. 4:14

^[s] Công. 6:3, 5, 6

10. Công việc chính yếu của người Mục Sư phải là việc liên tục hầu việc Đức Chúa Jêsus Christ trong Hội Thánh của Ngài bằng mục vụ quản trị Tin Lành bởi Lời Kinh Thánh và bằng mục vụ cầu nguyện ^[t] nhằm canh giữ linh hồn của mọi người trong hội chúng là điều mà người Mục Sư phải chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời; phận sự của Hội Thánh đối với Mục Sư không những chỉ là phải tôn trọng họ đứng mục ^[u] mà lại còn phải bảo đảm được rằng họ được hưởng những gì tốt nhất có thể có tùy theo chức dịch của họ trong Hội Thánh để họ được tiếp trợ đầy đủ mà ^[x] không phải vướng bận lắm với các công việc thế tục cũng như có thể sống thom thảo được với mọi người; những điều này là bắt buộc ^[z] theo lẽ tự nhiên cũng như theo mệnh lệnh của Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng phong lập các Mục Sư cho Hội Thánh của Ngài rằng ai rao giảng Tin Lành thì được nuôi mình bởi Tin Lành.

^[t] Công. 6:4; Hê. 13:17

^[u] 1Ti. 5:17, 18; Gal. 6:6, 7

^[x] 2Ti. 2:4

^[y] 1Ti. 3:2

^[z] 1Cô. 9: 6-14

11. Mặc dầu phận sự thường trực của người Mục Sư là giảng Lời Kinh Thánh theo chức dịch của mình trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời nhưng công việc giảng dạy Lời Kinh Thánh không được tùy thuộc chỉ ở họ mà những người khác trong Hội Thánh cũng phải ^[a] được phát huy ân tứ giảng dạy để họ có thể giảng dạy như thế nào đó trong Hội Thánh tùy theo sự xác lập chức trách của họ bởi chính Hội Thánh.

[a] Công. 11:19, 20, 21; 1Phi. 4:10, 11

12. Hễ khi nào còn có thể được thì mỗi tín hữu buộc phải tham gia vào một Hội Thánh Địa Phương nhất định nào đó để họ được hưởng sự chăm sóc của Hội Thánh; và họ cũng phải ^[b] chịu sự quản nhiệm của Hội Thánh theo như mệnh lệnh của Đức Chúa Jêsus Christ truyền cho họ trong Kinh Thánh.

[b] 1Tê. 5:14; 2Tê. 3:6, 14, 15

13. Khi một chức viên Hội Thánh vì thi hành chức trách của mình mà phạm lỗi thì họ không có quyền làm rối loạn trật tự hợp Kinh Thánh của Hội Thánh, hoặc tự ý rút lui ra khỏi Hội Thánh, hoặc bỏ phận sự được giao, hoặc bị một cá nhân nào đó trong Hội Thánh trả đũa mà tất cả phải tôn trọng các sự dạy dỗ có liên quan của chính Đức Chúa Jêsus Christ thể theo ^[c] qui trình xử lý hợp Kinh Thánh của giới có thẩm quyền trong Hội Thánh.

[c] Ma. 18:15, 16, 17; Êph. 4:2, 3

14. Mỗi Hội Thánh cùng với mọi thành viên trong Hội Thánh mình ^[d] có phận sự phải cầu nguyện cho sự hưng thịnh của tất cả các Hội Thánh của Đức Chúa Jêsus Christ ở tất cả mọi nơi trong tất cả mọi lúc có dịp tiện; mỗi thành viên Hội Thánh đều phải giữ phận mình trong Hội Thánh để đem các ân tứ thuộc linh được ban phục vụ Hội Thánh hầu cho Hội Thánh, vốn được lập lên theo sự dự ứng Thiên Thượng, có thể được hưng thịnh; vì vậy cho nên mọi thành viên Hội Thánh đều phải ^[e] giữ mối thông công tốt đẹp với nhau trong Hội Thánh để kiến tạo hòa bình, gia tăng tình yêu thương và sự tự gây dựng trong Hội Thánh.

[d] Êph. 6:18; Thi. 122:6

[e] Rô. 16:1, 2; 3Gi. 8, 9, 10

15. Trong trường hợp có một sự khó khăn hay dị biệt nào đó trong một Hội Thánh, bất kể là về giáo lý hay về quản trị, khiến cho các Hội Thánh khác phải quan tâm, hay chính Hội Thánh ấy quan tâm thì nguyên tắc chung là sự khó khăn hay dị biệt ấy phải được xử lý trong sự hiệp nhất, hòa bình, gây dựng; khi có sự thương tổn trên hay bất đồng trong một hay nhiều thành viên nào đó trong Hội Thánh nhưng mà không đồng thuận được với cách xử lý trong nội bộ Hội Thánh thì phải thể theo ý chỉ của Đức Chúa Jêsus Christ mà các Hội Thánh có liên quan cử các đại biểu để hội họp cứu xét vấn đề ^[f] để đưa ra đề nghị nhằm giải quyết cho sự khó khăn hay dị biệt đang gặp và kết luận hay giải pháp đạt được cần phải được thông tri cho tất cả các Hội Thánh có liên quan về sự đồng thuận chung giữa các đại biểu được cử; tuy vậy các đại biểu này không được phép có quyền áp đặt quyền của Hội Thánh mình trên các đại biểu khác; họ cũng không có quyền tài phán, quyền khiển trách, ^[g] quyền áp đặt quyết định của họ trên các Hội Thánh hay trên các chức viên của các Hội Thánh.

[f] Công. 15:2, 4, 6, 22, 23, 25

[g] 2Cô. 1:24; 1Gi. 4:1

Chương Thứ Hai Mươi Tám

“Sự Thông Công Của Các Thánh Đồ”



1. Tất cả các thánh đồ, bởi Đức Thánh Linh, được hiệp nhất trong Nguyên Thủ của họ là Đức Chúa Jêsus Christ và dầu họ không hoàn toàn được đồng nhất với Ngài nhưng họ vẫn có được ^[a] mỗi thông công trong ân điển, trong sự chịu khổ, trong sự chết, trong sự sống lại, và trong sự vinh hiển của Ngài; các thánh đồ được hiệp nhất với nhau trong tình yêu thương, họ có ^[b] mỗi thông công về ân tứ thuộc linh và ân điển giữa người này với người khác, họ có sự ràng buộc về phận sự phải thực hành các ân tứ thuộc linh cách công cộng hay riêng tư theo một cách thế có thứ tự hẳn hoi để ^[c] đem lại sự ích lợi chung cho cả con người bề trong lẫn con người bề ngoài.

[a] 1Gi. 1:3; Gi. 1:16; Php. 3:10; Rô. 6:5, 6

[b] Êph. 4:15,16; 1Cô. 12:7; 3:21, 22, 23

[c] 1Tê. 5:11, 14; Rô. 1:12; 1Gi. 3:17, 18; Gal. 6:10

2. Các thánh đồ, thể theo sự xưng nhận của họ, buộc phải duy trì mối quan hệ thân mật thánh khiết và sự thông công với nhau qua hoạt động thờ phượng Đức Chúa Trời và trong khi họ thông công với nhau trong các sinh hoạt thuộc linh thì ^[d] họ luôn có khuynh hướng gây dựng nhau cách hỗ tương cũng như cứu giúp lẫn nhau về các nhu cầu ^[e] cho con người bề ngoài tùy theo khả năng và sự có cần của mỗi người; thể theo nguyên tắc của Tin Lành, mặc dầu sự thông công như thế là được chính các thánh đồ thực hiện bởi sức mình bất luận là trong ^[f] gia đình hay trong ^[g] Hội Thánh nhưng chỉ duy nhất Đức Chúa Trời là Đấng ban cơ hội và năng lực cho họ và họ phải làm cho phát triển ra giữa vòng mọi người trong gia đình đức tin chung ở tất cả mọi nơi, tức là cho tất cả những ai biết kêu cầu Danh Đức Chúa Jêsus Christ; tuy nhiên sự giao thông nhau giữa các thánh đồ không được xâm phạm đến hay ^[h] làm mất đi sự gia tăng quyền sở hữu mà ai cũng có để mưu cầu sự an sinh, thịnh vượng của riêng họ.

[d] Hê. 10:24, 25; 3:12, 13

[e] Công. 11:29, 30

[f] Êph. 6:4

[g] 1Cô. 12:14, 14-27

[h] Công. 5:4; Êph. 4:28

Chương Thứ Hai Mươi Chín **“Lễ Báp Têm Và Lễ Tiệc Thánh”**



1. Lễ Báp têm và Lễ Tiệc Thánh là hai qui điều phải theo và là sự chế định Thiên Thượng của Đức Chúa Trời, được ban hành bởi Đức Chúa Jêsus là Đấng ban luật duy nhất cho Hội Thánh Ngài cho đến ^[a] kỳ tận chung của thế gian.

[a] Ma. 28:19, 20; 1Cô. 11:26

2. Hai qui điều thánh này được trông nom bởi duy nhất những ai có đủ phẩm chất và có được sự kêu gọi ^[b] thê theo chức trách của Đức Chúa Jêsus Christ.

[b] Ma. 28:19; 1Cô. 4:1

Chương Thứ Ba Mươi

“Lễ Báp Têm”



1. Lễ Báp têm là một qui điều Tân Ước được chính Đức Chúa Jêsus Christ truyền cho mọi Cơ Đốc Nhân phải giữ; được báp têm là một dấu hiệu về việc người chịu Phép Báp têm được thông công với Đức Chúa Jêsus Christ trong sự chết và ^[a] sự phục sinh của Ngài; về việc được kết hiệp trong Ngài; về ^[b] việc được tha tội; và về ^[c] việc vâng phục theo Đức Chúa Trời trong và qua Đức Chúa Jêsus Christ thể hiện qua đời sống mới trong Ngài.

[a] Rô. 6:3, 4, 5; Côi. 2:12; Gal. 3:27

[b] Mác 1:4; Công. 26:16

[c] Rô. 6:4

2. Chỉ có những ai chân thành xưng nhận rằng mình ^[d] thực sự ăn năn về tội lỗi đối với Đức Chúa Trời, có đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ và vâng lời Ngài mới là đối tượng hợp Kinh Thánh của Lễ Báp têm.

[d] Mác 16:16; Công. ; 2:41; 8: 12, 36, 37, 38; 18:8

3. Phương tiện ngoại hiện cho qui điều này là nước để người chịu Lễ Báp têm được báp têm bằng ^[e] nước nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh.

[e] Mác 28:19, 20; Công. 8:38

4. Dìm người chịu Phép Báp têm vào ^[f] trong nước là việc hợp Kinh Thánh cần phải có cho việc thi hành qui điều này.

[f] Ma. 3:16; Gi. 3:23

Chương Thứ Ba Mươi Một “Việc Đặt Tay Cầu Nguyện”



1. Chúng tôi tin rằng ^[a] việc đặt tay cầu nguyện cho các tín hữu chịu Phép Báp têm là một qui điều của Đức Chúa Jêsus Christ và qui điều này phải được tất cả những ai dự phần Lễ Tiệc Thánh đều phải tuân hành việc chịu Lễ Báp têm, và rằng mục đích của Lễ này không phải là để qua đó mà có được ân tứ siêu nhiên của Đức Thánh Linh mà là một dấu hiệu bên ngoài nhằm tượng trưng cho việc người tín hữu được Đức Thánh Linh ^[b] tiếp nhận sâu đậm hơn như đã được hứa cho việc có thêm các ân điển và các ảnh hưởng của các ân điển thông qua Đức Thánh Linh; cũng như để chứng thực, thêm sức, và khích lệ người chịu Lễ Báp têm trong Đức Chúa Jêsus Christ; Chúng tôi xét thấy rằng từ sơ kỳ của Hội Thánh, theo như Tin Lành bày tỏ, bằng các dấu hiệu về ^[c] sự ban cho các ân tứ của Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời chuẩn thuận để Hội Thánh được phép nhóm nhau lại vào ngày thứ nhất hàng tuần là ^[Công. 2:1] ngày thờ phượng Ngài, tức là ngày Sa Bát Cơ Đốc, để thực hiện việc giảng dạy Lời Đức Chúa Trời, ^[Công. 10:44] để làm Lễ Báp têm, ^[Ma. 3:16] để cầu nguyện, ^[Công. 4:31] để đọc Thi Thiên, hát Thánh Ca, . . . vì vậy với ^[Công. 16:25, 26] việc đặt tay cầu nguyện cũng được chứng thực bằng phép lạ, dấu kỳ, cùng với các ân tứ khác của Đức Thánh Linh cặp theo ^[Công. 8:19] như Tin Lành chứng thực cho nên chúng tôi cho rằng việc đặt tay cầu nguyện cho các tín hữu chịu Phép Báp têm là một qui chế hợp Kinh Thánh.

[a] Hê. 5:12; 6:1, 2; Công. 8:17, 18; 19:6

[b] Êph. 1:13, 14

[c] Công. 8 và 19:6

[d] Hê. 2:3, 4

Chương Thứ Ba Mươi Hai

“Lễ Tiệc Thánh”



1. Lễ Tiệc Thánh của Đức Chúa Jêsus Christ đã được chính Ngài thiết lập vào đêm Ngài bị phản và bị nộp, Lễ Tiệc Thánh phải được Hội Thánh của Ngài thực hiện cho đến muôn đời, phải được mãi mãi tiến hành trong sự tưởng nhớ đến và bày tỏ ra cho thấy sự tận hiến chính mình Đức Chúa Jêsus bằng sự chết Ngài, phải làm ^[a] một sự chứng thực cho đức tin của người tín hữu cùng với mọi ơn ích từ đức tin, phải là một sự bồi dưỡng và tăng trưởng thuộc linh trong Đức Chúa Jêsus Christ cũng như sự cam kết về mọi phận sự của tín hữu đối với Đức Chúa Jêsus Christ, và Lễ Tiệc Thánh cũng phải là ^[b] một sự cam kết và là tín vật của mối thông công giữa họ và Ngài, và giữa họ với nhau.

[a] 1Cô. 11:23, 24, 25, 26

[b] 1Cô. 10:16, 17, 21

2. Không phải bởi qui điều này mà Đức Chúa Jêsus Christ được dâng lên cho Đức Chúa Cha, cũng chẳng phải qui điều này là một sự hiến tế thực thụ để được sự tha tội bất luận cho người sống hay kẻ chết mà chỉ là một sự tưởng niệm về sự thể là ^[c] Đức Chúa Jêsus Christ đã dâng chính mình Ngài lên Thập Tự Giá một lần duy nhất và trọn vẹn và cũng là sự hiến tế thuộc linh nhằm ^[d] tôn vinh ân điển cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Chính vì vậy mà sự hiến tế của Giáo Hoàng trong Lễ Misa là một sự báng bổ hơn hết, tổn thương hơn hết đối với sự hiến tế của chính Đức Chúa Jêsus Christ là sự hiến tế duy nhất có tác dụng làm nguôi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi của kẻ được Ngài chọn cho sự cứu rỗi.

[c] Hê. 9:25, 26, 28

[d] 1Cô. 11:24; Ma. 26:26, 27

3. Chính Đức Chúa Jêsus Christ đã làm mẫu cho việc cầu nguyện cho các yếu tố của qui điều này là bánh và chén trước khi thực hiện để qua đó mà biệt riêng bánh và chén ra cho thánh dụng trong qui điều, tách vạch với thường dụng trong đời sống; cho việc lấy bánh lên và bẻ bánh ra; cho việc cầm chén lên và ^[e] trao cả bánh và chén cho người tham dự qui điều về Lễ Tiệc Thánh này.

[e] 1Cô. 11:23-34

4. Việc từ chối không ban bánh và chén cho người xin được dự Lễ Tiệc Thánh, việc tôn thờ bánh và chén, việc treo bánh và chén lên một chỗ nào đó hay đem bánh và chén theo bên mình vì mê thích, và việc lưu trữ bánh và chén cho một sự sử dụng nào đó đều đi ngược lại với bản chất của qui điều này cũng như tính chất mà Đức Chúa Jêsu Christ đã thiết lập.

[f] Ma. 26:26, 27, 28; Ma. 15:9; Xuất. 20:4, 5

5. Các yếu tố ngoại diện của qui điều này là những yếu tố được biệt riêng ra cách đúng đắn chỉ cho các sự sử dụng mà Đức Chúa Jêsu Christ đã lập vốn thực sự mang ý nghĩa về mối liên hệ với việc Ngài chịu đóng đinh trên Thập Tự Giá dầu rằng chỉ theo nghĩa biểu tượng nhưng lắm khi các yếu tố ấy lại được gọi theo tên mà các yếu tố ấy tượng trưng là ^[g] thân và huyết của Đức Chúa Jêsu Christ mặc dầu các yếu tố ấy trong Lễ Tiệc Thánh không hề thay đổi về bản thể và bản chất gì cả, tức là ^[h] bánh vẫn cứ là bánh và chén vẫn cứ là chén.

[g] 1Cô. 11:27

[h] 1Cô. 11: 26-28

6. Giáo lý dạy rằng có một sự hóa thể từ bánh thành thịt và từ rượu thành huyết của Đức Chúa Jêsu Christ (gọi là thuyết hóa thể) sau sự hiến tế của Linh Mục, hay bởi bất cứ sự gì, là một giáo lý đáng chê trách ^[i] không những đối với Kinh Thánh mà ngay cả đối với tri thức thường nghiệm cũng như đối với lý trí thuần túy nữa; giáo lý này đã phá hỏng ^[k] bản chất của qui điều về Lễ Tiệc Thánh và đã trở thành cơ của các sự mê tín đối với hình tượng.

[i] Công. 3:21; Lu. 24:6, 39

[k] 1Cô. 11:24, 25

7. Người dự Lễ Tiệc Thánh cách xứng đáng là người dầu rằng tay thì nhận các yếu tố hữu hình của Lễ nhưng lòng, bởi đức tin, nhận lấy các yếu tố ấy không bằng cách hữu hình mà bằng cách thuộc linh để nuôi mình cách thuộc linh bằng Đấng đã chịu đóng đinh trên Thập Tự Giá ^[l] cùng với các ơn ích có được từ sự chết của Ngài; như vậy, trong Lễ Tiệc Thánh, thân và huyết Chúa không phải là thân và huyết theo nghĩa đen mà là một sự tượng trưng mang tính thuộc linh đối với đức tin của người tín hữu trong Lễ Tiệc Thánh được các yếu tố của Lễ tượng trưng.

[l] 1Cô. 10:16; 11:23-26

8. Những người thiếu hiểu biết và sự tin kính không thể nào được xứng đáng vui hưởng mỗi thông công ^[m] với Đức Chúa Jêsus Christ qua Lễ Tiệc Thánh; Lễ Tiệc Thánh của họ cũng trở thành bất xứng và họ phạm trọng tội nghịch lại ý chỉ của Ngài vì hễ chùng nào họ còn chưa nhận Lễ theo ^[n] ý nghĩa huyền nhiệm của Lễ mà Đức Chúa Jêsus Christ muốn họ phải có thì họ vẫn còn ở trong trạng thái bất xứng với thân và huyết của Chúa, ăn uống lấy sự đoán phạt của Đức Chúa Trời cho chính họ.

[m] 2Cô. 6:14, 15

[n] 1Cô. 11:29; Ma. 7:6

Chương Thứ Ba Mươi Ba

“Trạng Thái Sau Khi Chết Và Trạng Thái Sau Khi Phục Sinh”



1. Thân thể của con người sau khi chết lại trở về với bụi đất, ^[a] phải chịu sự tan rã, nhưng hồn của họ (vốn không chết mà cũng chẳng ngủ) vốn có bản chất bất tử nên lập tức ^[b] được trở về cùng Đức Chúa Trời là Đấng đã dựng nên hồn: Kể từ đó hồn của người công nghĩa được trở nên hoàn hảo trong sự thánh khiết, được vào ở trong Thiên Đàng là nơi họ được ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Jêsu Christ và Đức Chúa Trời trong ^[c] sự vinh hiển của Ngài để đợi kỳ cứu chuộc cho thân thể của họ; và hồn của những người chưa được cứu thì bị cho đi Địa Ngục là nơi họ phải chịu sự dày vò và ở trong sự tối tăm hoàn toàn để đợi đến ngày chịu ^[d] sự phán xét chung thẩm của Đức Chúa Trời; ngoài hai nơi này cho linh hồn sau khi xác đã chết Kinh Thánh không cho biết còn bất cứ nơi nào khác cả.

[a] Sáng. 3:19; Công. 13:36

[b] Truyền. 12:7

[c] Lu. 23:43; 2Cô. 5:1, 6, 8; Php. 1:23; Hê. 12:23

[d] Giu. 6, 7; 1Phi. 3: 19; Lu. 16:23, 24

2. Vào kỳ chung kết các thánh đồ sẽ được sống lại chứ không còn chết nữa mà là sẽ ^[e] được biến đổi; tất cả các thánh đồ đã chết sẽ được phục sinh trong chính cùng một thân thể của họ ^[f] chứ không phải là một thân thể nào khác dầu rằng thân thể mới này của họ hoàn toàn mới ^[g] về tính chất là thân thể sẽ được tái hiệp vĩnh viễn với hồn của họ.

[e] 1Cô. 15:51, 52; 1Tê. 4:17

[f] Gióp 19:26, 27

[g] 1Cô. 15:42, 43

3. Bởi quyền phép của Đức Chúa Jêsu Christ, thân thể của những người chưa được cứu sẽ được làm cho sống lại để sống trong sự nhuốc nhơ chứ không được như thân thể của người công bình được làm cho sống lại để sống trong sự vinh hiển ^[h] với một tính chất giống như thân thể vinh hiển của Đức Chúa Jêsu Christ.

[h] Công. 24:15; Gi. 5:28, 29; Php. 3:21

Chương Thứ Ba Mươi Bốn

“Cuộc Chung Thầm Của Đức Chúa Trời”



1. Đức Chúa Trời đã định một ngày khi Ngài sẽ đoán xét cả thế gian bằng sự công nghĩa của Ngài bởi Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng đã được Đức Chúa Cha ban cho mọi quyền phép của Ngài; trong ngày ấy không những các thiên sứ bội bạc sẽ bị đoán xét mà tất cả mọi người đã từng sống trên thế gian cũng phải ứng hầu trước Tòa Án Của Đấng Christ để khai trình tất cả mọi ý tưởng, lời nói, và việc làm của mình và sẽ chịu hình tương ứng theo những gì, cả thiện và ác, mà họ đã từng làm khi còn sống.

[a] Công. 17:31; Gi. 5:22, 27

[b] 1Cô. 6:3; Giu. 6

[c] 2Cô. 5:10; Truyền. 12:14; Ma. 12:36; Rô. 14:10, 12;
Ma. 25:32-46

2. Mục đích của kỳ chung thẩm của Đức Chúa Trời là bày tỏ sự vinh hiển và nhân từ của Ngài thể hiện qua sự cứu rỗi đòi hỏi cho những kẻ Ngài đã chọn; và [d] cho sự công nghĩa của Ngài trong việc để cho đi Địa Ngục đòi hỏi những kẻ không chịu ăn năn tội và không chịu vâng lời Ngài; kể từ đó người công nghĩa sẽ được vào sự sống đời đời, được nhận sự vui thỏa và vinh hiển cách trọn vẹn cùng với phần thưởng vĩnh viễn trong sự hiện diện [e] của Đức Chúa Jêsus Christ; còn những kẻ vốn biết rằng có Ngài nhưng không vâng theo Tin Lành của Ngài sẽ bị ném vào sự khổ ải triền miên, và [f] bị hình phạt bằng sự hư hoại vĩnh viễn, xa cách hoàn toàn sự vinh hiển và quyền phép của Đức Chúa Trời.

[d] Rô. 9:22, 23

[e] Ma. 25:21, 34; 2Ti. 4:8

[f] Ma. 25:46; Mác 9:48; 2Tê. 1:7, 8, 9, 10

3. Đức Chúa Jêsus Christ muốn cho người ta thực sự biết và tin rằng kỳ chung thẩm của Đức Chúa Trời là có thật để [g] giúp họ thức tỉnh mà gỡ mình ra khỏi bẫy lưới của tội lỗi cũng như để [h] khích lệ mạnh mẽ các đời sống tin kính khi họ phải đối đầu với nghịch cảnh và vì thế Ngài không để cho ai biết kỳ ấy sẽ là lúc nào để ai nấy biết kính sợ, biết tỉnh thức mà giữ đời sống mình xứng đáng khi Ngài tái lâm vì [i] họ không biết lúc nào Ngài sẽ tái lâm; nhưng họ vẫn dạn dĩ mong đợi và dám thưa với Ngài rằng “Lạy Chúa, xin mau đến! Amen”.

[g] 2Cô. 5:10, 11

[h] 2Tê. 1:5, 6, 7

- [i] Mác 13:35, 36, 37; Lu. 12:35-40
[k] Khái. 22:20

“Tuyên Xung Đức Tin Philadelphia 1742” (The Philadelphia Baptist Confession of Faith 1742) là một bản tuyên xưng có nội dung gần giống hoàn toàn với “Tuyên Xung Đức Tin London Thứ Nhì 1689” (The Second London Confession of Faith 1689), chỉ khác là chương thứ ba mươi một và chương thứ ba mươi ba đã được thêm vào “Tuyên Xung Đức Tin Philadelphia 1942”.

Bản Tuyên Xung Đức Tin Này được “Hiệp Hội Báp Tít Philadelphia” tiếp nhận làm quan điểm giáo lý Kinh Thánh chính thức của Hiệp Hội vào năm 1742 và vẫn còn được Phong Trào Báp Tít trên khắp thế giới xem như quan điểm chung cho Phong Trào cho đến ngày nay.

“Tuyên Xung Đức Tin Philadelphia 1742”
(Bản Tiếng Việt)
<http://www.cosvietnam.com>



"Nhưng con hãy dạy điều hiệp với đạo lành"
(Tít 2:1)

MỤC VỤ KHUYẾN HỌC VIỆT NAM
<http://www.cosvietnam.com>

2014